

Số: 2165 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 08 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch mua sắm trang thiết bị, phương tiện cho công tác điều trị, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 của tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 22/7/2021 của Chính phủ về mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị, phương tiện phục vụ phòng, chống dịch Covid-19;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng chống dịch, bệnh Covid-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Quyết định số 3646/QĐ-BYT ngày 31/7/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Tiêu chí phân loại nguy cơ người nhiễm SARS-CoV-2;

Căn cứ Quyết định số 2626/QĐ-BYT ngày 28/5/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục nhu cầu trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu của các khu vực điều trị người bệnh Covid-19;

Căn cứ Thông báo số 368-TB/TU ngày 13/8/2021 và Thông báo số 374-TB/TU ngày 01/9/2021 của Tỉnh ủy về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 70/KH-BCĐ ngày 26/4/2021 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh Kiên Giang (nay là Trung tâm Chỉ huy phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh Kiên Giang) về ứng phó phòng, chống dịch bệnh Covid-19 đáp ứng với từng cấp độ dịch trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 138/QĐ-BCĐ ngày 30/8/2021 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tỉnh Kiên Giang về phê duyệt Phương án đảm bảo công tác y tế đáp ứng với từng tình huống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 402/TTr-SYT ngày 26/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch mua sắm trang thiết bị, phương tiện, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế cho phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (kèm theo Kế hoạch số 2844/KH-SYT ngày 24/8/2021 của Sở Y tế). Trong đó, bao gồm:

1. Trang thiết bị điều trị người bệnh đến mức độ nhẹ và mức độ vừa, tổng kinh phí dự kiến: **56.287.957.200 đồng**. Trong đó:

1.1. Mua sắm trang thiết bị cho Khu điều trị bệnh nhân Covid-19 thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh (cơ sở cũ) quy mô 1.000 giường, gồm 20 danh mục, với số tiền: **34.381.540.000 đồng**.

1.2. Danh mục trang thiết bị cho Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 Hà Tiên, quy mô 300 giường có tổng số 64 mặt hàng với số tiền là: **10.953.208.600 đồng**.

1.3 Danh mục trang thiết bị cho Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 tại Trường Quân sự địa phương thuộc thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành (lấy theo kinh phí tương tự như Bệnh viện dã chiến Hà Tiên), với số tiền là: **10.953.208.600 đồng**.

2. Mua sắm trang thiết bị cho các khu điều trị người bệnh đến mức độ vừa (Tầng 2): Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận, Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng, Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh. Tổng số 05 danh mục trang thiết bị với số tiền: **34.620.000.000 đồng**.

3. Trang thiết bị y tế điều trị người bệnh đến mức độ nặng (một phần của Tầng 3): mua sắm trang thiết bị nâng cấp khu Hồi sức cấp cứu, Sản, Xét nghiệm thuộc Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên có 116 mặt hàng với số tiền là **24.629.572.000 đồng**.

4. Trang thiết bị y tế điều trị người bệnh đến mức độ nguy kịch (Tầng 3): Bệnh viện Đa khoa tỉnh mới (150 giường). Trang thiết bị y tế bổ sung thêm 100 giường cho khu hồi sức (hiện có 50 giường) điều trị bệnh nhân nặng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Tổng số 30 danh mục trang thiết bị với số tiền là **187.144.375.000 đồng**.

5. Trang thiết bị y tế, phương tiện dùng chung cho các khu điều trị, khu cách ly người bệnh chưa dự trù trong các danh mục ở trên: mua xe chở rác thải y tế nguy hại sử dụng chung và mua bổ sung 900 giường bệnh nhân cho Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận, Giồng Riềng (mỗi đơn vị 300 giường INOX). Tổng số 03 danh mục trang thiết bị với số tiền là **7.215.000.000 đồng**.

6. Mua hóa chất, vật tư y tế phục vụ công tác chống, dịch đến tháng 6 năm 2022, với tổng kinh phí là **272.949.675.620 đồng**. Trong đó:

6.1. Mua hóa chất, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch đến tháng 6 năm 2022, tổng số 18 cơ sở y tế trong tỉnh dự trù nhu cầu mua sắm với 31 mặt hàng hóa chất, vật tư y tế và số tiền là **163.650.111.920 đồng**.

6.2. Mua sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm SARS-CoV-2 đến tháng 6 năm 2022. Tổng số 216.000 test, với số tiền là **109.299.563.700 đồng**.

Tổng kinh phí dự kiến mua sắm: **582.846.579.820 đồng**.

(Bằng chữ: Năm trăm tám mươi hai tỷ, tám trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi đồng)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành có liên quan tổ chức thực hiện mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, tài sản cho các cơ sở y tế đúng theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 và Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 22/7/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan. Cập nhật tình hình diễn biến của dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh, chủ động phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch mua sắm phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức giám sát, theo dõi việc thực hiện theo Kế hoạch phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- TV. Trung tâm Chỉ huy tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, tthuy (03b).



Nguyễn Lưu Trung

Số: 2844/KH-SYT

Kiên Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2021

HỎA TỐC

KẾ HOẠCH

Mua sắm trang thiết bị, phương tiện, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế cho phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 22/7/2021 của Chính phủ về việc mua sắm, thóc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị, phương tiện phục vụ phòng chống dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 3646/QĐ-BYT ngày 31/7/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Tiêu chí phân loại nguy cơ người nhiễm SARS-CoV-2;

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-BYT ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 do chủng vi rút Corona mới (SARS-CoV-2);

Căn cứ Quyết định số 2626/QĐ-BYT ngày 28/5/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục nhu cầu trang thiết bị, vật tư tiêu hao và thuốc thiết yếu của các Khu vực điều trị người bệnh COVID-19;

Căn cứ Thông báo số 368-TB/TU ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Tỉnh ủy về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 6589/BYT-KCB ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Công điện số 1068/CD-TTg của TTg và đảm bảo duy trì công tác KCB thường quy và Công văn số 996/KCB-QLHN ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh về việc thực hiện Công điện số 1068/CD-TTg;

Căn cứ kế hoạch thu dung điều trị bệnh nhân Covid-19, trên cơ sở đề xuất của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, Sở Y tế xây dựng Kế hoạch mua sắm trang thiết bị, phương tiện cho các cơ sở y tế thu dung, điều trị bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư y tế, thuốc, hóa chất, sinh phẩm ... và nâng cao năng lực chuyên môn sẵn sàng đáp ứng với các tình huống dịch bệnh tại địa phương, phù hợp theo đúng kịch bản phân tầng điều trị

2. Bảo đảm thực hiện các biện pháp cách ly an toàn, triệt để và quy định về phòng và kiểm soát lây nhiễm SARS-COV-2 trong các cơ sở điều trị COVID-19.

3. Tuân thủ các hướng dẫn về chẩn đoán và điều trị COVID-19; phát hiện

sớm những trường hợp người bệnh có nguy cơ diễn biến nặng để can thiệp kịp thời, hạn chế tối đa tình trạng người bệnh tiến triển nặng, tử vong tại các cơ sở điều trị.

II. NỘI DUNG

Căn cứ Kế hoạch phân tầng và thu dung, điều trị bệnh nhân COVID-19: Tầng 1: Điều trị người bệnh không triệu chứng; Tầng 2: Điều trị người bệnh nhẹ và vừa; Tầng 3: Điều trị người bệnh nặng và nguy kịch. Trên cơ sở đó, Sở Y tế xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị y tế như sau:

Các đơn vị thực hiện phương châm 4 tại chỗ hoặc ngân sách đã được đầu tư mua sắm trang thiết bị gồm: TTYT huyện: An Minh, An Biên, Tân Hiệp, Gò Quao, Kiên Lương, Hòn Đất, ... và các đơn vị không phân tuyến thu dung điều trị bệnh nhân COVID-19 thì không tổng hợp nhu cầu mua sắm trong kế hoạch này do nhu cầu mua sắm với quy mô nhỏ, lẻ thường được sử dụng từ nguồn kinh phí phát triển sự nghiệp của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

1. Trang thiết bị điều trị người bệnh đến mức độ nhẹ và mức độ vừa, tổng kinh phí dự kiến: **56.287.957.200 đồng.**

Trong đó:

1.1 Mua sắm trang thiết bị cho Khu điều trị bệnh nhân COVID-19 thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh (cơ sở cũ) quy mô 1.000 giường, gồm 20 danh mục, với số tiền: **34.381.540.000 đồng.**

(Đính kèm danh mục Phụ lục 2)

1.2 Danh mục trang thiết bị cho Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 Hà Tiên, quy mô 300 giường có tổng số 64 mặt hàng với số tiền là: **10.953.208.600 đồng.**

(Đính kèm danh mục Phụ lục 2.1)

1.3 Danh mục trang thiết bị cho Bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân Covid-19 do Quân Khu 9 phụ trách, đặt tại Trường Quân sự địa phương thuộc thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành lấy theo kinh phí tương tự như Bệnh viện dã chiến Hà Tiên, với số tiền là: **10.953.208.600 đồng.**

(Đính kèm danh mục Phụ lục 2.2)

2. Mua sắm trang thiết bị cho các khu điều trị người bệnh đến mức độ vừa (Tầng 2): TTYT huyện Vĩnh Thuận, TTYT huyện Giồng Riềng, TTYT thành phố Phú Quốc, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi. Tổng kinh phí: **39.133.990.000 đồng.**

Trong đó:

2.1 Trang thiết bị y tế cho khu điều trị 210 giường tại Bệnh Lao và bệnh Phổi; Trung tâm y tế có quy mô điều trị đến 300 giường, gồm: Vĩnh Thuận, Giồng Riềng và Phú Quốc:

Tổng số 05 danh mục trang thiết bị với số tiền: 34.620.000.000 đồng

(Đính kèm danh mục Phụ lục 3.1)

2.2 Lắp dựng nhà tiền chế quản lý Bệnh nhân nhiễm COVID-19 và mua sắm thiết bị, tài sản cho Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi điều trị bệnh COVID-19:

Tổng dự toán đề xuất xây dựng, mua sắm: **4.513.990.000 đồng**

(Đính kèm danh mục Phụ lục 1.1 và 1.2)

3. Trang thiết bị y tế điều trị người bệnh đến mức độ nặng (một phần của Tầng 3): Mua sắm trang thiết bị nâng cấp khu Hồi sức cấp cứu, Sản, Xét nghiệm thuộc TTYT Hà Tiên có 116 mặt hàng với số tiền là: **25.860.998.100 đồng**.

(Đính kèm danh mục Phụ lục 3.2)

4. Trang thiết bị y tế điều trị người bệnh đến mức độ nguy kịch (Tầng 3): Bệnh viện đa khoa tỉnh mới (150 giường).

Trang thiết bị y tế bổ sung thêm 100 giường cho khu hồi sức (hiện có 50 giường) tại điều trị bệnh nhân nặng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, Khu đô thị Phú Cường

Tổng số 30 danh mục trang thiết bị với số tiền là: **187.944.375.000 đồng**

(Đính kèm danh mục Phụ lục 3.3)

5. Trang thiết bị y tế, phương tiện dùng chung cho các khu điều trị, khu cách ly người bệnh chưa dự trù trong các danh mục ở trên: Mua xe chở rác thải y tế nguy hại sử dụng chung và Mua bổ sung 900 giường bệnh nhân cho TTYT Vĩnh Thuận, Giồng Riềng (Mỗi đơn vị 300 giường INOX) ;

Tổng số 03 danh mục trang thiết bị với số tiền: **7.215.000.000 đồng**

(Đính kèm danh mục Phụ lục 4)

Tổng hợp phần kinh phí mua sắm trang thiết bị phương tiện, xây dựng nhà tiền chế cho khu hậu cần,..(mục 1-5) là: **316.442.320.300 đồng**

Bằng chữ: Ba trăm mười sáu tỷ, bốn trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm hai mươi ngàn, ba trăm đồng chẵn.

Danh mục trang thiết bị, đơn giá trong các phụ lục có thể thay đổi do nhiều yếu tố khách quan như: bổ sung các thiết bị được tài trợ, được Bộ Y tế phân bổ; các trang thiết bị hư hỏng cần bổ sung thêm, giá thiết bị cập nhật lại có thay đổi về giá,... Cho phép Sở Y tế điều chỉnh trong tổng kinh phí được giao để triển khai mua sắm đúng các quy định hiện hành.

6. Kế hoạch mua hóa chất, VTYT chống dịch đến tháng 6 năm 2022 đã trình UBND tỉnh với tổng kinh phí là **272.949.675.620 đồng**.

Trong đó:

6.1 Mua hóa chất, VTYT chống dịch đến tháng 6 năm 2022 có tổng số 18 cơ sở y tế trong tỉnh dự trù nhu cầu mua sắm với 31 mặt hàng hóa chất, VTYT với số tiền là: 163.650.111.920 đồng.

(Đính kèm phụ lục 6.1)

6.2 Mua sinh phẩm, hóa chất XN SARS-CoV-2 đến tháng 6 năm 2022 Tổng số 216.000 test với số tiền là: 109.299.563.700 đồng. Trong đó:

+ Mua cho máy ROCHE 166.000 test với số tiền là: 72.775.044.500 đ.

(Đính kèm phụ lục 6.2)

+ Mua cho máy QIAGEN có 50.000 test với số tiền là: 36.524.519.200 đ.

(Đính kèm phụ lục 6.3)

Tổng kinh phí đề xuất mua sắm từ mục 01 - 6: 589.391.995.920 đồng

(Bằng chữ: Năm trăm tám mươi chín tỷ, ba trăm chín mươi mốt triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm hai mươi đồng)

8. Phương án đề xuất mua sắm: (theo Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 22/7/2021 của Chính phủ về việc mua sắm, thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị, phương tiện phục vụ phòng chống dịch COVID-19), cụ thể như sau:

- Giá gói thầu được xác định trên 03 báo giá của 03 đơn vị khác nhau, đồng thời đối chiếu với giá thiết bị có trên trang mạng Internet thông tin công khai của Bộ Y tế (nếu có); Danh mục, đơn giá trang thiết bị, phương tiện, hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế cho phòng, chống dịch bệnh COVID-19 của Kế hoạch mua sắm này được công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở Y tế và gửi văn bản đến Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Phòng, chống dịch bệnh; Lãnh đạo các địa phương các đơn vị trong ngành y tế,... để xin ý kiến chỉ đạo thực hiện, góp ý về nội dung kế hoạch.

- Về hình thức mua sắm: Chỉ định thầu rút gọn qui định tại Điểm a Khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và tại Điểm a Khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016, Về Quy trình thực hiện: cho phép Sở Y tế (Chủ đầu tư) thực hiện theo qui định tại Khoản 1 Điều 17 của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016.

9. Tiến độ thực hiện mua sắm:

9.1 Danh mục trang thiết bị, tài sản đã mua sắm ngay sau khi có chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh Ủy, UBND tỉnh để tiếp nhận điều trị bệnh nhân COVID-19 tại Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi, Khu điều trị 1000 giường tại bệnh viện đa khoa cũ thuộc khoa truyền nhiễm của Bệnh viện đa khoa tỉnh (Một số trang thiết bị thiết yếu và 1000 giường bệnh nhân); Mua sắm 900 giường INOX cho Khu điều trị bệnh nhân F0 tại Trung tâm y tế Hà Tiên, Giồng Riềng và Vĩnh Thuận. Danh mục này rất cần Thường trực Tỉnh ủy sớm cho chủ trương để Sở Y tế thực hiện các hồ sơ thanh toán cho các nhà cung cấp, tránh để nợ đọng kéo dài làm thiệt hại về kinh tế cho các nhà cung cấp thiết bị.

(Đính kèm danh mục đã mua sắm tại Phụ lục 5).

9.2 Các trang thiết bị còn lại sẽ mua theo nhu cầu điều trị và sau khi phân bổ hết các trang thiết bị đã được tài trợ, trang thiết bị được Bộ Y tế cấp cho tỉnh Kiên Giang thực hiện công tác phòng chống dịch và theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Phòng, chống dịch bệnh khi diễn biến dịch, bệnh COVID-19 trở nên phức tạp, khó lường hơn trong thời gian tới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nghiệp vụ y, dược

- Làm đầu mối xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch; tham mưu điều chỉnh kế hoạch theo tình hình dịch bệnh trong tỉnh.

- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác chuyên môn về thu dung và điều trị bệnh nhân Covid-19 theo kế hoạch.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc phục vụ công tác thu dung, điều trị bệnh nhân Covid-19 và hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

- Đảm bảo công tác báo cáo kịp thời, đúng theo quy định về số liệu người bệnh COVID-19 đang điều trị, tử vong tại các cơ sở điều trị COVID-19.

2. Phòng Kế hoạch Tài chính

- Tham mưu thực hiện kế hoạch mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, hóa chất, phương tiện phòng hộ cá nhân, test nhanh xét nghiệm.... phục vụ công tác thu dung, điều trị bệnh nhân COVID-19. Phối hợp với Văn phòng Sở Y tế tiếp nhận, phân bổ các trang thiết bị, vật tư y tế, xe cấp cứu... từ các nguồn tài trợ tới các đơn vị được phân công thu dung, điều trị COVID-19 kịp thời, hiệu quả.

- Chịu trách nhiệm cung ứng, điều phối các trang thiết bị, vật tư y tế, hóa chất, phương tiện phòng hộ cá nhân, test nhanh xét nghiệm.... đáp ứng nhu cầu khẩn cấp tại các cơ sở điều trị COVID-19 và bệnh viện dã chiến.

- Phối hợp tổ, ban của Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức mua sắm các trang thiết bị, vật tư y tế, hóa chất, phương tiện phòng hộ cá nhân, test nhanh xét nghiệm.... phục vụ công tác phòng, chống dịch.

3. Phòng Tổ chức cán bộ

- Tham mưu bố trí, điều động nhân sự để phục vụ cho công tác thu dung, điều trị bệnh nhân Covid-19 theo kế hoạch.

- Triển khai phân bổ nguồn nhân lực nhân viên y tế, tình nguyện viên tăng cường cho các cơ sở điều trị COVID-19 theo phân tuyến điều trị, đảm bảo phù hợp với quy mô của từng đơn vị. Chuẩn bị kế hoạch hỗ trợ về nhân lực y tế cho các huyện, thành phố trong tỉnh hưởng dịch bùng phát rộng.

- Tham mưu chuyển đổi công năng một phần hoặc toàn phần sang điều trị COVID-19 của các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

4. Văn phòng Sở Y tế:

- Đầu mối đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử Sở Y tế, nhằm đưa những thông tin kịp thời, chính xác nhất tới người dân.

- Phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài chính tiếp nhận, phân bổ các trang thiết bị, vật tư y tế, xe cấp cứu... từ các nguồn tài trợ tới các đơn vị được phân công thu dung, điều trị COVID-19.

5. Phòng Quản lý Bảo hiểm y tế và Hành nghề y dược:

Tham mưu công tác khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với người bệnh

COVID-19.

- Tham mưu việc vận động, thu hút y tế tư nhân tham gia vào công tác phòng, chống dịch của tỉnh.

6. Thanh tra Sở

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra quy chế thường trực tại các cơ sở điều trị COVID-19 theo quy định.

- Chủ động nắm bắt các thông tin truyền thông trên mạng xã hội, phát hiện kịp thời các thông tin không chính xác với nội dung gây hoang mang dư luận để phối hợp xử lý theo quy định.

7. Các bệnh viện, Trung tâm Y tế huyện, thành phố:

- Tổ chức tiếp nhận đưa các trang thiết bị, phương tiện vào khai thác sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả. Cập nhật theo dõi sổ sách kế toán và quản lý tài sản.

- Chủ động xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, thuốc, hóa chất, phương tiện phòng hộ cá nhân, test nhanh xét nghiệm,... phục vụ công tác thu dung, điều trị bệnh nhân COVID-19 tại đơn vị ngoài các danh mục được cấp.

- Tổ chức tập huấn cho nhân viên y tế tham gia công tác chăm sóc người bệnh tại các bệnh viện điều trị COVID-19 về sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân, tranh thiết bị y tế.

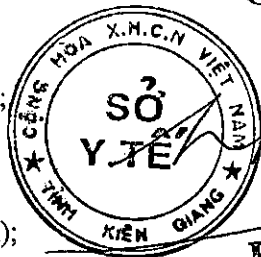
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, báo cáo kịp thời công tác quản lý trang thiết bị y tế, tài sản đơn vị về Sở Y tế.

Trên đây là Kế hoạch mua sắm trang thiết bị, vật tư, hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm cho các cơ sở thu dung, điều trị bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Sở Y tế trình Thường trực Tỉnh Ủy, UBND tỉnh Kiên Giang xem xét chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- TT. UBND tỉnh (b/c);
- TV BCĐ. PCDB Covid-19 tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, Tp (p/h);
- GD và các PGĐ SYT (b/c);
- Các phòng chuyên môn SYT (t/h);
- Các bệnh viện; TTYT huyện, Tp (t/h);
- Các PKĐK tư nhân (t/h);
- Trang TTĐT SYT;
- Trang HSCV;
- Lưu VT, htdung, "HT"

GIÁM ĐỐC



Hà Văn Phúc

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THIẾT BỊ
CÔNG TRÌNH: KHU ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN NHIỄM COVID-19 TẠI BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI KIÊN GIANG
(Kèm theo Kế hoạch số 2844/KH-SYT ngày 24/8/2021 của Sở Y tế)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá			Thành tiền		
				Trước thuế	Thuế VAT	Sau thuế	Trước thuế	Thuế VAT	Sau thuế
1	Tủ đầu giường	Cái	200,0000	4.454.545	445.455	4.900.000	890.909.091	89.090.909	980.000.000
2	Giường bệnh	Cái	200,0000	6.818.182	681.818	7.500.000	1.363.636.364	136.363.636	1.500.000.000
3	Giường bệnh cấp cứu	Cái	10,0000	13.636.364	1.363.636	15.000.000	136.363.636	13.636.364	150.000.000
4	Quần áo NVYT (loại vải xanh ngắn tay như đồ phẫu thuật viên)	Bộ	100,0000	272.727	27.273	300.000	27.272.727	2.727.273	30.000.000
5	Ghế nhựa	Cái	200,0000	40.909	4.091	45.000	8.181.818	818.182	9.000.000
6	Máy vi tính	Bộ	8,0000	12.727.273	1.272.727	14.000.000	101.818.182	10.181.818	112.000.000
7	Máy in	Cái	4,0000	4.545.455	454.545	5.000.000	18.181.818	1.818.182	20.000.000
8	Tủ lưu trữ đồ vải sạch (loại lớn)	Cái	3,0000	4.090.909	409.091	4.500.000	12.272.727	1.227.273	13.500.000
9	Máy photocopy	Máy	1,0000	90.909.091	9.090.909	100.000.000	90.909.091	9.090.909	100.000.000
10	Máy scan	Máy	1,0000	10.000.000	1.000.000	11.000.000	10.000.000	1.000.000	11.000.000
11	Thùng loa	Bộ	4,0000	4.545.455	454.545	5.000.000	18.181.818	1.818.182	20.000.000
12	Tivi màn hình lớn 40-50inch	Cái	4,0000	18.181.818	1.818.182	20.000.000	72.727.272	7.272.727	80.000.000
13	Bình nước nóng lạnh	Bộ	5,0000	4.090.909	409.091	4.500.000	20.454.545	2.045.455	22.500.000
TỔNG CỘNG							2.770.909.091	277.090.909	3.048.000.000

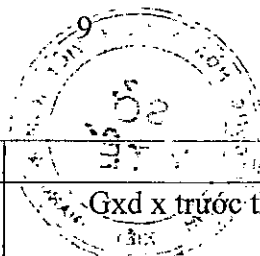
Bằng chữ: Ba tỷ không trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn./.



CÔNG TRÌNH: KHU ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN NHIỄM COVID-19 TẠI BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI KIÊN GIANG
(Kèm theo Kế hoạch số 2844 /KH-SYT ngày 24/8/2021 của Sở Y tế)

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức %	Hệ số	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gxd				739.913.005	73.991.301	813.904.306
	Xây dựng mới nhà tiền chế cho lực lượng tham gia quản lý, điều hành khu điều trị bệnh nhân Covid-19	Gxd.1			Theo bảng tổng hợp dự toán chi phí XD	739.913.005	73.991.301	813.904.306
2	Chi phí thiết bị	Gtb				2.770.909.091	277.090.909	3.048.000.000
3	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	3,282%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	115.225.181	11.522.518	126.747.699
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv				287.092.475	28.709.247	315.801.722
4,9	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv9	6,500%		(Gxd+Gtb) x trước thuế x tỷ lệ	228.203.436	22.820.344	251.023.780
4,18	Chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật	Gtv18	0,258%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	2.000.000	200.000	2.200.000
4,20	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	Gtv20	0,250%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	2.000.000	200.000	2.200.000
4,21	Chi phí Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	Gtv21	0,432%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	3.196.424	319.642	3.516.066
4,24	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv24	0,100%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	100.000	1.100.000
4,25	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv25	0,050%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	100.000	1.100.000
4,27	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv27	0,100%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	100.000	1.100.000
4,28	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	Gtv28	0,050%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	1.000.000	100.000	1.100.000
4,30	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv30	3,285%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	24.306.142	2.430.614	26.736.756
4,34	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	Gtv34	0,844%		Gtb x trước thuế x tỷ lệ	23.386.473	2.338.647	25.725.120



5	Chi phí khác	Gk				71.456.972	4.573.163	76.030.135
5,2	Chi phí thẩm định thiết kế (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk2	0,165%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	1.220.856	122.086	1.342.942
5,3	Chi phí thẩm định dự toán (Thông tư 210/2016/TT-BTC)	Gk3	0,160%		Gxd x trước thuế x tỷ lệ	1.183.861	118.386	1.302.247
5,5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	Gk5	0,570%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	25.725.350		25.725.350
5,6	Chi phí kiểm toán độc lập (Thông tư 10/2020/TT-BTC)	Gk6	0,960%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	43.326.905	4.332.691	47.659.596
6	Chi phí dự phòng	Gdp			Gdp1 + Gdp2	121.368.763	12.136.876	133.505.639
6,1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	10,000%		(Gxd+Gqlđ+Gtv+Gk) x trước thuế x tỷ lệ	121.368.763	12.136.876	133.505.639
	TỔNG CỘNG	Gtmdt1			Gxd+Gtb+Gqlđ+Gtv+Gk+Gdp	4.105.965.487	408.024.014	4.513.989.501
	LÀM TRÒN	Gtmdt						4.513.990.000

Bằng chữ: Bốn tỷ năm trăm mười ba triệu hai trăm mười chín nghìn đồng chẵn ./.

Phụ lục 2
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THIẾT YẾU KHU ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19
QUY MÔ 1000 GIƯỜNG THUỘC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH KIÊN GIANG
ĐỊA ĐIỂM: SỐ 46 LÊ LỢI – P. VINH THANH VÂN - TP. RẠCH GIÁ (BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH CŨ)
(Kèm theo Kế hoạch số 2844 /KH-SYT ngày 24/8/2021 của Sở Y tế)

STT	Tên trang thiết bị	Chủng loại/ Hãng SX	Đơn vị	Số lượng TTB		Đơn giá	Thành tiền	Giá tham khảo		
				Định mức 20 giường	1000 giường			Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá
1	Bộ dụng cụ thở oxy (bình làm ẩm, đồng hồ đo lưu lượng...)	KP906F / G (DIN13260) Kaipo/ Trung Quốc	Bộ	2	100	1.600.000	160.000.000	1.600.000	Số 868 /QĐ-SYT ngày 21 tháng 07 năm 2021	
2	Máy X quang di động	MUX-10 Shimadzu Corporation/ Nhật Bản	Cái	1	3	2.490.000.000	7.470.000.000	2.800.000.000	230/QĐ-BVTDHYDCT ngày 31/07/2020	CtyYV, VMED: 3 tỷ 572; Cty TNT: 3 tỷ 815; Cty NG Tùng: 2 tỷ 490; Cty Vinamedco: 3 tỷ 5; Cty Hutectra: 3 tỷ 560; Cty Đại Hữu: 2 tỷ 9;



3	Máy siêu âm có ≥ 3 đầu dò	GE-Mỹ	Cái	1	3	1.550.000.000	4.650.000.000	1.799.600.000	Số: 357/QĐ-BVBNĐTU ngày 20 tháng 03 năm 2020 Cung cấp máy siêu âm Doppler màu ≥ 3 đầu dò	Cty YV, VMED: 1 tỷ 680; Cty NG Tùng: 1 tỷ 6; Cty Vinamedco: 1 tỷ 550; Cty Hutectra: 1 tỷ 640; Cty Đại Hữu: 1 tỷ 697,140;
4	Máy theo dõi BN ≥ 5 thông số	BSM-3562 Nihon Kohden Nhật Bản	Cái	2	30	188.700.000	5.661.000.000	188.700.000	Số: 1472/QĐ-SYT ngày 26 tháng 12 năm 2020	
5	Máy đo độ bão hoà ô xy kẹp tay	2500 Nonin - Mỹ	Cái	10	300	13.500.000	4.050.000.000	13.500.000	537/QĐ-TTYYT	
6	Hệ thống oxy (có thể thay thế bằng bình ô xy hoặc ô xy hoá lỏng)	Ô khí đầu ra; Hệ thống máy trung tâm;	Hệ thống	1	2	1.850.000.000	3.700.000.000	1.850.000.000	Số 867 /QĐ-SYT ngày 21/7/21 thầu số 01: viện dã chiến số 1	
7	Máy tạo oxy y tế (cần nếu không có hệ thống oxy) (thế bình Ô xy rời)	JAY-5BW Longfian/ Trung Quốc	Bình	5	100	18.000.000	1.800.000.000	18.000.000	Quyết định số 877/QĐ-BVQY7A ngày 04/8/2021 của Bệnh viện Quân y	

8	Bơm tiêm điện	Beton Dickinson - Rumani	Cái	2	30	24.750.000	742.500.000	35.500.000	Số: 257/QĐ- BVĐL ngày 06 tháng 04 năm 2021 zxz	Cty YV, VMED: 35,7 Tr; Cty NG Tùng: 36,9 Tr; Cty TNT: 36 Tr; Cty Hà Huy: 33 Tr; Cty Vinamedco: 27 Tr; Cty Hutectra: 32 Tr; Cty Đại Hữu: 37 Tr;
9	Máy truyền dịch	TE-LF630 Terumo - Nhật Bản	Cái	1	30	33.000.000	990.000.000	39.800.000	Số 4286/QĐ- BVĐĐ- KD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 Tên gói thầu: Cung cấp bổ sung thiết bị cho Bệnh viện	Cty YV, VMED: 43,5 Tr; Cty NG Tùng: 47,8 Tr; Cty TNT: 47 Tr; Cty Hà Huy: 35 Tr; Cty Vinamedco: 35 Tr; Cty Hutectra: 33 Tr; Cty Đại Hữu: 48 Tr;
10	Máy hút đờm	NEW HOSPIVAC 350 - Ý	Cái	1	15	24.150.000	362.250.000	24.150.000	538/QĐ-TTY	

11	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	Constant-1400 Sanko Manufacturing Co., Ltd. Nhật Bản	Cái	1	3	15.600.000	46.800.000	15.600.000	52/QĐ-TTYT	
12	Bình hút dẫn lưu màng phổi kín di động	Thopaz+, Medela Thụy Sĩ	Cái	1	3	720.000	2.160.000	720.000	Số 868 /QĐ-SYT ngày 21 tháng 07 năm 2021 Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm trang thiết bị ,vật tư cho Bệnh viện dã chiến số 1	
13	Bộ đèn đặt nội khí quản (CỐ CAMERA)	Clearvue Infinium/ Mỹ	Bộ	1	3	79.000.000	237.000.000	79.000.000	Số 2766 /QĐ-BM ngày 23 tháng 10 năm 2020 Tên gói thầu: Gói thầu TBDA 02-2020 - Bệnh viện Bạch Mai	Cty YV, VMED: 112 Tr 860; Cty NG Tùng 109 Tr 700; Cty Hà Huy: 142 Tr 400; Cty Vinamedco: 95 Tr; Cty Hutectra: 107 Tr; Cty Đại Hữu: 112 Tr 860;

14	Bộ mở khí quản	Pakista	Bộ	1	3	7.200.000	21.600.000	8.998.500	5329/QĐ-BVCR	Cty YV, VMED: 9,29 Tr; Cty NG Tùng: 17,9 Tr; Cty Huteetra: 7,2 Tr; Cty Đại Hữu: 9,29 Tr;
15	Đèn thủ thuật	MS LED Plus Mimals - Tây Ban Nha	Cái	1	3	25.000.000	75.000.000	29.500.000	1088/QĐ-BVHN	Cty YV, VMED: 29 Tr; Cty Hà Huy: 35 Tr; Vinamedco: 25 Tr; Cty Huteetra: 25 Tr; Cty Đại Hữu: 30 Tr;
16	Bóng ambu có van PEEP	SR-001 Sturdy Đài Loan	Cái	2	30	1.350.000	40.500.000	1.350.000	Số 868 /QĐ-SYT ngày 21 tháng 07 năm 2021 Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm trang thiết bị	
17	Lưới đèn đặt nội khí quản	101-0006 Tulis Surgical Pakistan	Bộ	1	30	1.200.000	36.000.000	1.200.000	, vật tư cho Bệnh viện dã chiến số 1	
18	Nhiệt kế	Trung Quốc	Cái	20	900	29.700	26.730.000	29.700	Số 1228/QĐ-BVDC02 ngày 29 tháng 7 năm 2021	



19	Giường bệnh Inox	Việt Nam	Bộ	0	900	3.900.000	3.510.000.000	4.400.000	Số 189 /QĐ-BVITTHN ngày 05 tháng 05 năm 2021 của Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	Cty SGM, VMED: 4 Tr; Vinamedco: 4 Tr; Cty Hutectra: 3,9 Tr; Cty Đại Hữu: 4 Tr;
20	Giường Cấp cứu 01 tay quay	Cty Hồng kỳ VN hoặc tương đương	Bộ	0	50	16.000.000	800.000.000	10.000.000		CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN HỒNG VN hoặc tương đương
TỔNG DỰ KIẾN						34.381.540.000				
GHI CHÚ: - Căn cứ kế hoạch mua sắm theo số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình bệnh nhân COVID-19 để dự trù. - Căn cứ kế hoạch mua sắm, số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh vì các bệnh khác (có thể giảm) và tình hình bệnh nhân COVID-19 để dự trù. - Các trang thiết bị có thể được sử dụng chung cho các Khu vực 1 và 2 điều trị người bệnh COVID-19.										

Phụ lục 2.1 và Phụ lục 2.2
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THIẾT YẾU KHU ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19
QUY MÔ 300 GIƯỜNG THUỘC TTYT TP. HÀ TIÊN TỈNH KIÊN GIANG
VÀ TRƯỜNG QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH KIÊN GIANG
 (Kèm theo Kế hoạch số 2844 /KH-SYT ngày 24/8/2021 của Sở Y tế)

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (gồm VAT)	Thành tiền (gồm VAT)	Giá tham khảo Các đơn vị báo giá
1	Máy thở oxy lưu lượng cao	Blender-Biomed Devices/Mỹ	Máy	4	180.000.000	720.000.000	Cty YV, VMED: 275 Tr; Cty Vinamed: 270 Tr; Cty TNT: 181 Tr; Cty Hutectra: 180 Tr; Cty Đại Hữu: 195 Tr;
2	Máy siêu âm Doppler màu ≥ 3 đầu dò (có đầu dò và PM đo chức năng tim)	GE - Mỹ	Máy	1	1.550.000.000	1.550.000.000	Cty YV, VMED: 1 tỷ 680; Cty NG Tùng: 1 tỷ 6; Cty Vinamed: 1 tỷ 550; Cty Hutectra: 1 tỷ 640; Cty Đại Hữu: 1 tỷ 697,140;
3	Hệ thống X quang di động	Shimadzu Corporation/Nhật Bản	Bộ	1	2.490.000.000	2.490.000.000	Cty YV, VMED: 3 tỷ 572; Cty TNT: 3 tỷ 815; Cty NG Tùng: 2 tỷ 490; Cty Vinamed: 3 tỷ 5; Cty Hutectra: 3 tỷ 560; Cty Đại Hữu: 2 tỷ 9;



4	Bộ đặt nội khí quản có Camera	Clearvue Infinium - Mỹ	Cái	2	79.000.000	158.000.000	Cty YV, VMED: 112 Tr 860; Cty NG Tùng 109 Tr 700; Cty Hà Huy: 142 Tr 400; Cty Vinamed: 95 Tr; Cty Huteetra: 107 Tr; Cty Đại Hữu: 112 Tr 860;
5	Máy điện tim ≥ 6	MAC 2000 GE - Ấn Độ	Máy	1	68.000.000	68.000.000	Cty YV, VMED: 108,7 Tr; Cty TNT: 93 Tr 533; Cty Vinamed: 90 Tr; Cty Huteetra: 90 Tr; Cty Đại Hữu: 68 Tr;
6	Máy lọc và khử khuẩn không khí	Eolisn1200S Natep Sante Pháp	Máy	4	96.950.000	387.800.000	Cty TTP, VMED: 150 Tr; Cty Hà Huy: 120 Tr; Cty Đại Hữu: 150 Tr;
7	Máy phân tích sinh hóa tự động 240 test/giờ	Pentra C200 ISEunotec (Dalian) Co., Ltd, Trung Quốc	Máy	1	855.000.000	855.000.000	Cty KA, VMED: 855 Tr; Cty GPV: 855 Tr;

8	Máy xét nghiệm huyết học tự động 20 thông số, 3 thành phần bạch cầu	YUMIZEN H500 OTHORIBA ABX SAS/ Pháp	Máy	1	310.000.000	310.000.000	Cty KA, VMED: 510 Tr; Cty Hà Huy: 310 Tr;
9	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Urilyzer 100 Pro77 Elektronika Muszeripari Kft - Hungary	Máy	1	45.000.000	45.000.000	Cty KA, VMED: 45 Tr; Cty GPV: 45 Tr; Cty Hà Huy: 45 Tr; Cty Hutectra: 68 Tr;
10	Thiết bị, dụng cụ cần thiết cho phòng xét nghiệm	Z 206A Hermle - Đức	Bộ	1	82.000.000	82.000.000	Cty KA, VMED: 82 Tr; Cty GPV: 82 Tr;
11	Lò hấp tiệt khuẩn Autoclave (thể tích 150 - 200 lít)	20 (AMSCO 400 series)	Cái	1	820.900.000	820.900.000	Cty SGM, VMED: 3 tỷ 100; Cty NG Tùng: 820,9 Tr; Cty Vinamed: 3 tỷ 195; Cty Đại Hữu: 3 tỷ 200;
12	Máy giặt có chế độ nhiệt độ 60 - 70 độ (loại 50 kg)	RX 520 (N) Primus (thuộc Alliance - USA)/ CH Séc	Máy	1	580.000.000	580.000.000	Cty SGM, VMED: 600 Tr; Cty Đại Hữu: 810 Tr;
13	Máy sấy khô đồ vải (loại 50 kg)	DO-45 T2-E Primer/ Tây Ban Nha	Máy	1	431.200.000	431.200.000	Cty SGM, VMED: 600 Tr; Cty NG Tùng: 585,9 Tr; Cty Đại Hữu: 600 Tr;
14	Máy hàn túi đựng dụng cụ bằng nhiệt bằng tải truyền	HD 650D Ecopak Hawo/Đức	Máy	1	30.000.000	30.000.000	Cty SGM, VMED: 30 Tr; Cty Vinamed: 140 Tr; Cty Đại Hữu: 30 Tr;

15	Xe đẩy inox vận chuyển đồ sạch - bẩn (xe đẩy đồ vệ sinh)	Việt Nam	Cái	6	7.000.000	42.000.000	Cty SGM, VMED: 7 Tr; Cty Đại Hữu: 7 Tr;
16	Thùng/hộp vận chuyển dụng cụ bẩn (loại 20 lít)	Việt Nam	Cái	6	450.000	2.700.000	Cty YV, VMED: 450,000đ; Cty Đại Hữu: 450,000đ;
17	Thùng ngâm có nắp đậy / khử khuẩn dụng cụ (loại 20 lít)	Việt Nam	Cái	4	4.950.000	19.800.000	Cty YV, VMED: 4 Tr 950; Cty Đại Hữu: 4 Tr 950;
18	Thùng đựng chất thải có nắp màu vàng 120 lít (có bánh xe)	Việt Nam	Cái	20	940.000	18.800.000	Cty YV, VMED: 940,000đ; Cty Đại Hữu: 940,000đ;
19	Thùng đựng chất thải có nắp đậy màu vàng loại 20 lít	Việt Nam	Cái	50	620.000	31.000.000	Cty YV, VMED: 620,000đ; Cty Đại Hữu: 620,000đ;
20	Bàn chải cọ rửa dụng cụ	Greetmed – Trung Quốc	Cái	50	18.000	900.000	Cty YV, VMED: 18,000đ; Cty Đại Hữu: 40,000đ,
21	Túi lưu trữ đồ sạch khử khuẩn	Việt Nam	Cái	1	3.000.000	3.000.000	Cty YV, VMED: 25 Tr; Cty Đại Hữu: 3 Tr;
22	Túi lưu trữ dụng cụ tuyệt khuẩn	Việt Nam	Cái	1	6.500.000	6.500.000	Cty YV, VMED: 6,5 Tr; Cty Đại Hữu: 3 Tr;
23	Túi thu gom đồ vải lưới	Việt Nam	Cái	50	800.000	40.000.000	Cty YV, VMED: 800,000đ; Cty Đại Hữu: 800,000đ;

24	Bàn đóng gói dụng cụ 50cm x 100cm	Việt Nam	Cái	1	6.000.000	6.000.000	Cty YV, VMED: 6 Tr; Cty Đại Hữu: 6 Tr;
25	Bàn xếp đồ vải sạch 1m x 2m	Việt Nam	Cái	1	9.000.000	9.000.000	Cty YV, VMED: 9 Tr; Cty Đại Hữu: 9 Tr;
26	Máy điều hòa nhiệt độ	Dairry/ Indo	Máy	20	19.000.000	380.000.000	Cty SGM, VMED: 20 Tr; Cty Nam Phương: 20 Tr; Cty Tín Nghĩa: 19,65 Tr; Cty CP ABC: 19 Tr;
27	Giường bệnh inox	Việt Nam	Cái	180	3.900.000	702.000.000	Cty SGM, VMED: 4 Tr; Cty Vinamed: 4 Tr; Cty Hutectra: 3,9 Tr; Cty Đại Hữu: 4 Tr;
28	Tủ đựng hồ sơ	AT1960KG Việt Nam	Cái	10	4.400.000	44.000.000	Cty SGM, VMED: 7,6 Tr; Cty Nam Phương: 4,4 Tr; Cty CP ABC: 6 Tr; Cty Hutectra: 4,9 Tr;
29	Bàn làm việc	Việt Nam	Cái	10	4.000.000	40.000.000	Cty SGM, VMED: 5 Tr; Cty Nam Phương: 5 Tr; Cty CP ABC: 5 Tr; Cty Hutectra: 4 Tr;
30	Ghế	Việt Nam	Cái	50	450.000	22.500.000	Cty SGM, VMED: 450,000đ; Cty Nam Phương: 450,000đ;
31	Bàn ăn (bàn sắt, inox gồm ghế)	Việt Nam	Bộ	10	3.000.000	30.000.000	Cty SGM, VMED: 3 Tr; Cty CP ABC: 3 Tr; Cty Nam Phương: 3 Tr;

32	Kệ để thuốc	Việt Nam	Cái	5	8.000.000	40.000.000	Cty SGM, VMED: 10 Tr; Cty CP ABC: 8 Tr; Cty Nam Phương: 8,15 Tr;
33	Máy Photocopy	RICOH M2701 Trung Quốc	Máy	1	66.000.000	66.000.000	Cty YV, VMED: 75 Tr; Cty CP ABC: 69 Tr; Cty Nam Phương: 75 Tr; Cty Lý Gia: 66 Tr;
34	Tủ lạnh	Samsung VN	Cái	5	11.000.000	55.000.000	Cty KA, VMED: 12 Tr; Cty GPV: 12 Tr; Cty CP ABC: 11 Tr; Cty Nam Phương: 15 Tr; Cty Hutectra: 11 Tr;
35	Tủ quản lý từ thi (4 ngăn)	Fiocchetti - Ý	Cái	1	50.000.000	50.000.000	Cty YV, VMED: 50 Tr;
36	Giường cấp cứu	Hong Ky Co., Ltd/ Việt Nam	Cái	10	16.500.000	165.000.000	Cty SGM, VMED: 16,5 Tr; Cty Nguyễn Hồng: 24 Tr 360;
37	Bàn để máy vi tính	BMT05-VN	Cái	10	1.800.000	18.000.000	Cty Lý Gia: 1,8 Tr
38	Máy vi tính	Dell + Samsung	Bộ	10	13.000.000	130.000.000	Cty KA, VMED: 13 Tr; Cty CP ABC: 13 Tr; Cty Lý Gia: 13,2 Tr; Cty GPV: 15 Tr; Cty Hutectra: 12,8 Tr;

39	Bộ camera (camera 40c, đầu ghi hình 32 kênh, ổ HDD 6TB, TV 32 inch HD, dây mạng 5e, jack RJ45, chi phí và vật tư thi công)		Cái	40	2.000.000	80.000.000	Cty Lý Gia: 77,45 Tr; Cty CP ABC: 172,3 Tr; Cty Nam Phương: 134,05 Tr;
40	Đồng hồ oxy	Trung Quốc	Cái	5	1.200.000	6.000.000	Cty YV, VMED: 2,38 Tr; Cty Hutectra: 1,8 Tr; Cty Đại Hữu: 1,2 Tr;
41	Bình oxy nhỏ vận chuyển	Trung Quốc / Việt Nam	Cái	2	1.200.000	2.400.000	Cty YV, VMED: 3,6 Tr Cty Hutectra: 2,9 Tr; Cty Đại Hữu: 1,2 Tr;
42	Bình làm ẩm + van điều chỉnh oxy	Inspital, Trung Quốc / Việt Nam	Cái	12	3.600.000	43.200.000	Cty YV, VMED: 4 Tr; Cty NG Tùng: 3,6 Tr; Cty Hutectra: 3,7 Tr; Cty Đại Hữu: 4 Tr;
43	Máy đo huyết áp điện tử	MY-PRESSURE 2.0 Ca-Mi S.r.l. – Ý, Trung Quốc	Máy	2	1.400.000	2.800.000	Cty YV, VMED: 1,9 Tr; Cty Hutectra: 1,8 Tr; Cty Đại Hữu: 1,6 Tr;
44	Máy huyết áp đo tay	500V + FT-801 / ALPK Tanaka Sangyo - Nhật	Máy	3	700.000	2.100.000	Cty YV, VMED: 860,000đ; Cty Hutectra: 700,000đ; Cty Đại Hữu: 699,000đ;

45	Bơm tiêm điện	SY-5000Andromeda - Mỹ	Cái	5	27.000.000	135.000.000	Cty YV, VMED: 35,7 Tr;Cty NG Tùng: 36,9 Tr;Cty TNT: 36 Tr;Cty Hà Huy: 33 Tr;Cty Vinamedco: 27 Tr;Cty Hutectra: 32 Tr;Cty Đại Hữu: 37 Tr;
46	Máy truyền dịch	IP-5000 Andromeda - Mỹ	Máy	5	33.000.000	165.000.000	Cty YV, VMED: 43,5 Tr;Cty NG Tùng: 47,8 Tr;Cty TNT: 47 Tr;Cty Hà Huy: 38,24 Tr;Cty Vinamed: 35 Tr;Cty Hutectra: 33 Tr;Cty Đại Hữu: 48 Tr;
47	Máy đo đường huyết	Accu-Chek Active ROCHE - Đức	Máy	2	1.000.000	2.000.000	Cty KA, VMED: 1,5 Tr;Cty GPV: 1,5 Tr;Cty Hutectra: 1,1 Tr;
48	Cân bệnh nhân	TZ-120 Guangzheng – Trung Quốc	Cái	1	1.510.000	1.510.000	Cty YV, VMED: 3 Tr;Cty Đại Hữu: 2 Tr 8;
49	Bình Oxy lớn (40 lít)	Trung Quốc / Việt Nam	Cái	3	3.260.000	9.780.000	Cty TM TBYK Nguyễn Tùng 7.390.000
50	Kelly thẳng	12-2400-14 Zepf - Đức	Cái	8	300.000	2.400.000	Cty YV, VMED: 910,000đ;Cty Đại Hữu: 300,000đ;
51	Kelly cong	12-2400-14 Zepf - Đức	Cái	5	300.000	1.500.000	Cty YV, VMED: 930,000đ;Cty Đại Hữu: 300,000đ;
52	Kéo thẳng	08-1002-16 Zepf - Đức	Cái	2	63.000	126.000	Cty YV, VMED: 1,01 Tr;Cty Đại Hữu: 300,000đ;

53	Kéo cong	08-1002-16 Zepf - Đức	Cái	2	58.800	117.600	Cty YV, VMED: 1,05 Tr; Cty Đại Hữu: 300,000đ;
54	Mâm đặt sonde tiểu	Gia Khang/ Việt Nam	Cái	2	150.000	300.000	Cty YV, VMED: 680.000đ; Cty Hutectra: 680,000đ; Cty Đại Hữu: 150,000đ;
55	Hộp cấp cứu phản vệ	Việt Nam	Cái	2	300.000	600.000	Cty YV, VMED: 350.000đ; Cty Hutectra: 400,000đ; Cty Đại Hữu: 300,000đ;
56	Mâm inox	Gia Khang/ Việt Nam	Cái	4	500.000	2.000.000	Cty SGM, VMED: 500,000đ;
57	Kéo cắt băng	08-9001-20 Zepf - Đức	Cái	4	500.000	2.000.000	Cty YV, VMED: 1 Tr 360; Cty Đại Hữu: 500,000đ;
58	Nhiệt kế điện tử	FR1MF1 Microlife – Thụy Sĩ, Trung Quốc	Cái	2	300.000	600.000	Cty YV, VMED: 1 Tr 190; Cty Hutectra: 1,2 Tr; Cty Đại Hữu: 300,000đ;
59	Nhiệt kế điện tử đo trán	FR1MF1 Microlife – Thụy Sĩ, Trung Quốc	Cái	3	900.000	2.700.000	Cty YV, VMED: 1 Tr 190; Cty Hutectra: 1,2 Tr; Cty Đại Hữu: 900,000đ;
60	Xe tiêm	Gia Khang/ Việt Nam	Cái	4	1.800.000	7.200.000	Cty SGM, VMED: 1,8 Tr; Cty Vinamed: 1,8 Tr; Cty Hutectra: 1,9 Tr; Cty Đại Hữu: 1,8 Tr;
61	Ổng nghe	FT-807 Tanaka Sangyo - Nhật	Cái	5	155.000	775.000	Cty YV, VMED: 570,000đ; Cty Đại Hữu: 570,000đ



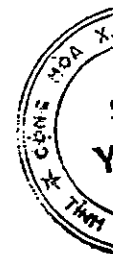
62	Đèn soi đáy mắt	ri-scope L Rudolf Riester GmbH - Đức	Cái	2	8.400.000	16.800.000	Cty YV, VMED: 21 Tr; Cty NG Tùng: 14 Tr; Cty Hutectra: 22 Tr; Cty Đại Hữu: 20 Tr;
63	Trụ treo dịch truyền	Gia Khang/ Việt Nam	Cái	20	616.000	12.320.000	Cty SGM, VMED: 2,5 Tr; Cty Đại Hữu: 2,5 Tr;
64	Máy khí dung	Aerocare II Kare - Thổ Nhĩ Kỳ	Máy	2	1.940.000	3.880.000	Cty YV, VMED: 2,5 Tr; Cty Hutectra: 2 Tr; Cty Vinamed: 2 Tr 3; Cty Đại Hữu: 2,5 Tr;
	Tổng Cộng					10.953.208.600	

PHỤ LỤC 3.2

DANH MỤC MUA SẮM CẤP BÁCH CHO KHU HỒI SỨC CẤP CỨU THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ TIỀN

(Kèm theo Kế hoạch số 2844 /KH-SYT ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Sở Y tế Kiên Giang)

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế	Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND	
I	Phần I. Trang thiết bị được chấp thuận chủ trương mua sắm theo Tờ trình số 148/TTR-BCĐ ngày 05/5/2021 đề nghị điều chỉnh						18,606,118,000				
1	Bộ đặt nội khí quản	ZEPF Medical Instruments GmbH (ZEPF a) / Đức	4	Bộ	1	17,900,000	17,900,000	35,000,000	Số 202 /QĐ-BVN ngày 12 tháng 7 năm 2021	Cty YV, VMED: 38 Tr; Cty Hà Huy: 38,24 Tr; Cty NG Tùng: 17 Tr 9; Cty Vinamedco: 35 Tr; Cty Hutectra: 36 Tr; Cty Đại Hữu: 38 Tr;	
2	Bộ đặt nội khí quản có camera	Clearvue Infinium/ Mỹ	3	Bộ	1	79,000,000	79,000,000	79,000,000	Số 2766 /QĐ-BM ngày 23 tháng 10 năm 2020 Tên gói thầu: Gói thầu TBDA 02-2020 Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế tòa nhà Trung tâm ung bướu và tim mạch trẻ em - Bệnh viện Đa khoa	Cty YV, VMED: 112 Tr 860; Cty NG Tùng 109 Tr 700; Cty Hà Huy: 142 Tr 400; Cty Vinamedco: 95 Tr; Cty Hutectra: 107 Tr; Cty Đại Hữu: 112 Tr 860;	30,000,000
3	Bộ khí dung kết nối máy thở	Aerogen-Ireland	6	Cái	1	1,500,000	1,500,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 1,5 Tr; Cty Vinamed: 2 Tr 3; Cty Đại Hữu: 1,5 Tr;	
4	Máy khí dung	Omron - Nhật Bản	6	Máy	2	1,940,000	3,880,000	1,940,000	Quyết định Số: 3094/QĐ-BVBTL ngày 25/12/2020 Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua sắm vật tư tiêu hao thông thường.	Cty YV, VMED: 2,5 Tr; Cty Hutectra: 2 Tr; Cty Vinamedco: 2 Tr 3; Cty Đại Hữu: 2,5 Tr;	2,500,000
5	Máy thở oxy lưu lượng cao cannula		4	Máy	7	180,000,000	1,260,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 275 Tr; Cty Vinamed: 200 Tr; Cty TNT: 181 Tr; Cty Hutectra: 180 Tr; Cty Đại Hữu: 195 Tr; Cty Vinamed: 270 Tr;	200,000,000



STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo		
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế	Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
6	Bình oxy nhỏ vận chuyển	Việt Nam	6	Cái	4	1,200,000	4,800,000	3,010,000	Số 18/QĐ-BVĐK ngày 14 tháng 01 năm 2021 Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị và dụng cụ y tế cho Bệnh viện Đa khoa thành phố Ngã Bảy Cty YV, VMED: 3,6 Tr Cty Hutectra: 2,9 Tr; Cty Đại Hữu: 1,2 Tr;	1,200,000
7	Đồng hồ oxy	Đài Loan/ Trung Quốc	6	Cái	4	1,200,000	4,800,000	2,640,000	Số: 312/QĐ-BVT ngày 23 tháng 3 năm 2021 Tên gói thầu: Vật tư tiêu hao còn lại (Gói số 11) Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, Cty YV, VMED: 2,38 Tr; Cty Hutectra: 1,8 Tr; Cty Đại Hữu: 1,2 Tr;	1,200,000
8	Bình làm ẩm + van điều chỉnh oxy	YR88-15FL-540-IT-SET Morris Precision Technology Co., Ltd./ Đài Loan	6	Cái	5	3,600,000	18,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng	Cty YV, VMED: 4 Tr; Cty NG Tùng: 3,6 Tr; Cty Hutectra: 3,7 Tr; Cty Đại Hữu: 4 Tr;	4,000,000
9	Bình hút dịch treo tường	Cami-Y	6	Cái	3	3,500,000	10,500,000	3,750,000	45/QĐ-VĐ Cty YV, VMED: 4 Tr 430; Cty Vinamedco: 3,5 Tr; Cty Hutectra: 4,1 Tr; Cty Đại Hữu: 7 Tr 430; Cty Hà Huy: 4 Tr 640;	
10	Phổi giả	Galemed Đài Loan	6	Cái	2	3,420,000	6,840,000	3,420,000	1304/QĐ-BVPSNĐN Cty YV, VMED: 6 Tr; Cty Hutectra: 4,7 Tr; Cty Đại Hữu: 6 Tr;	
11	Máy lọc máu liên tục	Amplya Bellco - Ý Medtronic/N7	3	Máy	1	1,250,000,000	1,250,000,000	1,300,000,000	Số: 1472/QĐ-SYT ngày 26 tháng 12 năm 2020 Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị y tế phẫu thuật, cấp cứu hồi sức và chẩn đoán, điều trị chuyên khoa Cty TTP, VMED: 1,3 tỷ; Cty Vinamedco: 1 tỷ 250 ; Cty Hutectra: 1 tỷ 280; Cty Đại Hữu: 1,3 tỷ;	
12	Máy X quang di động	MUX-10 Shimadzu Corporation/ Nhật Bản	1	Máy	1	2,490,000,000	2,490,000,000	2,800,000,000	230/QĐ-BVTĐHYDCT ngày 31/07/2020 Cty YV, VMED: 3 tỷ 572; Cty TNT: 3 tỷ 815; Cty NG Tùng: 2 tỷ 490; Cty Vinamedco: 3 tỷ 5; Cty Hutectra: 3 tỷ 560; Cty Đại Hữu: 2 tỷ 9;	2,200,000,000

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
13	Máy siêu âm Doppler màu ≥ 3 đầu dò (máy phải có đầu dò và tính năng, phần mềm đo chức năng tim)	GE-Mỹ	1	Máy	1	1,550,000,000	1,550,000,000	1,799,600,000	Số: 357/QĐ-BVBNĐTƯ ngày 20 tháng 03 năm 2020 Tên gói thầu: Gói thầu số 5: Cung cấp máy siêu âm Doppler màu ≥ 3 đầu dò	Cty YV, VMED: 1 tỷ 680; Cty NG Tùng: 1 tỷ 6; Cty Vinamedco: 1 tỷ 550; Cty Huteetra: 1 tỷ 640; Cty Đại Hữu: 1 tỷ 697,140;	320,000,000
14	Cáp huyết áp xâm lấn	Infinium - Mỹ	Phụ kiện không phân nhóm	Cái	4	2,430,000	9,720,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 3 Tr 430; Cty Huteetra: 2,9 Tr; Cty Đại Hữu: 2 Tr 430;	
15	Máy đo huyết áp điện tử	OMRON Việt Nam	4	Cái	2	1,400,000	2,800,000	1,400,000	Số: 1066/QĐ-BVAG ngày 01/09/2020 Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Dụng cụ y tế	Cty YV, VMED: 1,9 Tr; Cty Huteetra: 1,8 Tr; Cty Đại Hữu: 1,6 Tr;	1,800,000
16	Máy đo huyết áp tay	500-V ALPK2 Tanaka Sango - Nhật Bản	6	Cái	8	699,000	5,592,000	700,000	Số 429/QĐ-BV ngày 21 tháng 10 năm 2020 Tên gói thầu: Mua hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán, phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2020 của Bệnh	Cty YV, VMED: 860,000đ; Cty Huteetra: 700,000đ; Cty Đại Hữu: 699,000đ;	600,000
17	Bơm tiêm điện	Beton Dickinson - Rumania	3	Cái	4	27,000,000	108,000,000	35,500,000	Số: 257/QĐ-BVDL ngày 06 tháng 04 năm 2021 zxx	Cty YV, VMED: 35,7 Tr; Cty NG Tùng: 36,9 Tr; Cty TNT: 36 Tr; Cty Hà Huy: 33 Tr; Cty Vinamedco: 27 Tr; Cty Huteetra: 32 Tr; Cty Đại Hữu: 37 Tr;	37,000,000
18	Máy truyền dịch	TE-LF630 Terumo - Nhật Bản	3	Máy	4	33,000,000	132,000,000	39,800,000	Số 4286/QĐ-BVBD-KD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 Tên gói thầu: Cung cấp bổ sung thiết bị cho Bệnh viện	Cty YV, VMED: 45,5 Tr; Cty NG Tùng: 47,8 Tr; Cty TNT: 47 Tr; Cty Hà Huy: 35 Tr; Cty Vinamedco: 35 Tr; Cty Huteetra: 33 Tr; Cty Đại Hữu: 48 Tr;	48,000,000
19	Máy đo đường huyết	SD Biosensor— Hàn Quốc	6	Máy	4	1,000,000	4,000,000	1,000,000	Số 372 /QĐ-TFYTID ngày 24 tháng 5 năm 2021	Cty KA, VMED: 1,5 Tr; Cty GPV: 1,5 Tr; Cty Huteetra: 1,1 Tr;	1,250,000

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
20	Máy phá rung tim có tạo nhịp	TEC-5631 Nhật Bản Nihon Kohden	3	Máy	1	168,000,000	168,000,000	168,000,000	Số 4286/QĐ-BVBD-KD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 Tên gói thầu: Cung cấp bổ sung thiết bị cho Bệnh viện	Cty YV, VMED: 225 Tr; Cty TNT: 212,5 Tr; Cty Hà Huy: 200 Tr; Cty Vinamedco: 190 Tr; Cty Hutectra: 180 Tr; Cty Đại Hữu: 225 Tr;	
21	Máy điện tim ≥ 6 kênh	FX-8200 Fukuda- Nhật Bản	4	Máy	1	68,000,000	68,000,000	69,500,000	Bệnh viện E (bao gồm Trung tâm Tim mạch)	Cty YV, VMED: 108,7 Tr; Cty TNT: 93 Tr 533; Cty Vinamedco: 90 Tr; Cty Hutectra: 90 Tr; Cty Đại Hữu: 68 Tr;	80,000,000
22	Bộ mở khí quản	Pakista	4	Bộ	1	7,200,000	7,200,000	8,998,500	5329/QĐ-BVCR	Cty YV, VMED: 9,29 Tr; Cty NG Tùng: 17,9 Tr; Cty Hutectra: 7,2 Tr; Cty Đại Hữu: 9,29 Tr;	
23	Đèn thủ thuật	MS LED Plus Mimsal - Tây Ban Nha	3	Cái	1	25,000,000	25,000,000	29,500,000	1088/QĐ-BVHN	Cty YV, VMED: 29 Tr; Cty Hà Huy: 35 Tr; Cty Vinamedco: 25 Tr; Cty Hutectra: 25 Tr; Cty Đại Hữu: 30 Tr;	
24	Máy phun dịch khử khuẩn: khử khuẩn bề mặt trong phòng cách ly	Biospray Macro Teknik - Thổ Nhĩ Kỳ	Không là TBYT	Máy	1	224,000,000	224,000,000	230,000,000	Số: 1222 /QĐ-SYT ngày 24/11/2020 Gói thầu số 08: Trang thiết bị y tế cho y học dân tộc, vật lý trị liệu và khác - SYT An Giang	Cty TTP, VMED: 250 Tr; Cty NG Tùng: 233 Tr; Cty Hutectra: 224 Tr; Cty Đại Hữu: 250 Tr; Cty Vinamed: 245 Tr;	
25	Đèn cực tím	Việt Nam	6	Cái	3	1,265,000	3,795,000	1,265,000	Số 474/QĐ-TTYT ngày 20 tháng 11 năm 2020 Tên gói thầu: Mua y dụng cụ y tế cho Trung tâm y tế Quận 5	Cty YV, VMED: 2 Tr; Cty Hutectra: 2 Tr; Cty Đại Hữu: 2 Tr;	
26	Mâm đặt sonde tiểu	Việt Nam	Không là TBYT	Bộ	2	150,000	300,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 680,000đ; Cty Hutectra: 680,000đ; Cty Đại Hữu: 150,000đ;	500,000

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
27	Hộp cấp cứu phản vệ	Việt Nam		Hộp	2	300,000	600,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 350.000đ; Cty Hutectra: 400,000đ; Cty Đại Hữu: 300,000đ;	300,000
28	Xe tiêm	Việt Nam	6	Cái	4	1,800,000	7,200,000	1,930,000	Số 18/QĐ-BVĐK ngày 14 tháng 01 năm 2021 Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị và dụng cụ y tế cho Bệnh viện Đa khoa thành phố Ngã Bảy	Cty SGM, VMED: 1,8 Tr; Cty Vinamedco: 1,8 Tr; Cty Hutectra: 1,9 Tr; Cty Đại Hữu: 1,8 Tr;	1,800,000
29	Nhiệt kế điện tử	ri-gital 1850 Rudolf Riester GmbH - Đức/ Trung Quốc	6	Cái	20	300,000	6,000,000	1,200,000	Số: 177/QĐ - BV ngày 22/2/2021 Tên gói thầu: mua Vật tư, hóa chất, bảo hộ phòng chống dịch năm 2021 của Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ	Cty YV, VMED: 1 Tr 190; Cty Hutectra: 1,2 Tr; Cty Đại Hữu: 300,000đ;	300,000
30	Nhiệt kế điện tử đo trán	LFR30B Shenzhen Lepu Intelligent Medical Equipment Co., Ltd. - Trung Quốc	6	Cái	5	900,000	4,500,000	1,398,000	Số 1420/QĐ-BVPTU ngày 14/12/2020 Tên gói thầu: Gói thầu QTC 05-2020-PCD 2: Vật tư y tế.	Cty YV, VMED: 1 Tr 190; Cty Hutectra: 1,2 Tr; Cty Đại Hữu: 900,000đ;	900,000
31	Đèn soi đáy mắt	Model: ri-scopeL Code: 3723 Rudolf Riester Đức/ Pakistan	3	Cái	2	8,400,000	16,800,000	8,400,000	Số: 312/QĐ-BVT ngày 23 tháng 3 năm 2021 Tên gói thầu: Vật tư tiêu hao còn lại (Gói số 11) Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước,	Cty YV, VMED: 21 Tr; Cty NG Tùng: 14 Tr; Cty Hutectra: 22 Tr; Cty Đại Hữu: 20 Tr;	20,000,000
32	Máy gây mê	Leon plus/ Lowenstein Medical Technology GmbH + Co. KG/ Đức	1	Máy	1	928,000,000	928,000,000	970,000,000	Số 318/QĐ-BV ngày 28 tháng 01 năm 2021.	Cty YV, VMED: 1,09 tỷ; Cty NG Tùng: 970 Tr; Cty TNT: 928 Tr; Cty Vinamedco: 1 tỷ; Cty Hutectra: 1 tỷ 005; Cty Đại Hữu: 1 tỷ 2; Cty Vinamed: 1 tỷ 190;	
33	Máy thở cho gây mê	Elisa 300/ Lowenstein Medical Innovation GmbH & Co. KG/ Đức	3	Máy	1	602,667,000	602,667,000	778,000,000	Số 4131/QĐ-SYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 Tên gói thầu: Mua sắm 04 máy thở phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Long	Cty YV, VMED: 732,6 Tr; Cty TNT: 602 Tr 667; Cty Vinamedco: 655 Tr; Cty Hutectra: 650 Tr; Cty Đại Hữu: 900 Tr; Cty vinamed: 890 Tr; Cty Đại Hữu: 850 Tr;	

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế	Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND	
34	Máy chạy thận ngắt quãng	4008S Fresenius Medical Care AG&Co. KgaA Đức	1	máy	2	462,987,000	925,974,000	462,987,000	Số: 2281/QĐ-BV ngày 28 tháng 12 năm 2020 gói thầu: cung cấp 14 trang thiết bị y tế - BVĐK TW Quảng Nam	Cty TTP, VMED: 485 Tr; Cty Hutectra: 480 Tr; Cty Đại Hữu: 480 Tr;	
35	Tủ mát 2-8 độ có khóa (có hiển thị nhiệt độ 527)	VH-6009HP/ Sanaky/ Trung Quốc	Không là TBYT	Cái	1	25,000,000	25,000,000	38,500,000	Số: 197/QĐ-ATTP về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm dụng cụ, thiết bị, hóa chất, test nhanh phục vụ kiểm nghiệm nhanh thực	Cty YV: 31 Tr 250; Cty KA: 25 Tr; Cty GPV: 25 Tr; Cty Hutectra: 32 Tr; Cty Đại Hữu: 31 Tr 250;	
36	Máy sấy khô tay	ATMOR-Thái Lan	Không là TBYT	Cái	2	5,900,000	11,800,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 6 Tr 630; Cty Hutectra: 5,9 Tr; Cty GPV: 6 Tr 630; Cty Đại Hữu: 6 Tr 630;	
37	Giường inox	Việt Nam	6	Cái	30	3,900,000	117,000,000	4,400,000	Số 189 /QĐ-BVTTHN ngày 05 tháng 05 năm 2021 Tên gói thầu: Mua sắm hóa chất, sinh phẩm, vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh năm	Cty SGM, VMED: 4 Tr; Cty Vinamedco: 4 Tr; Cty Hutectra: 3,9 Tr; Cty Đại Hữu: 4 Tr;	4,000,000
38	Tủ đầu giường	Việt Nam		Cái	30	800,000	24,000,000	1,375,000	228/QĐ-BVSN ngày 23/4/2021 của Giám đốc Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm	Cty Hutectra: 800,000đ;	
39	Máy in phim Fuji	Drypix 6000 Fujifilm Imaging (Suzhou) Co., Ltd Trung Quốc	2	Cái	1	106,200,000	106,200,000	106,200,000	Số: 547/QĐ-BVRHMTW ngày 05 tháng 7 năm 2021 Tên gói thầu: Cung cấp trang thiết bị y tế năm 2021 (03 danh mục)	Cty YV, VMED: 150 Tr; Cty Hutectra: 140 Tr; Cty Đại Hữu: 150 Tr;	
40	Xe đẩy bệnh nhân nằm	Việt Nam	6	Cái	2	4,500,000	9,000,000	4,500,000	212/QĐ-KSBT ngày 27/7/2021	Cty SGM, VMED: 4,9 Tr; Cty Vinamedco: 4,9 Tr; Cty Hutectra: 4,5 Tr; Cty Đại Hữu: 4,9 Tr;	

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo		
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế	Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
41	Xe đẩy bệnh nhân ngồi	Việt Nam	6	Cái	4	1,700,000	6,800,000	2,100,000	Số: 312/QĐ-BVT ngày 23 tháng 3 năm 2021 Tên gói thầu: Vật tư tiêu hao còn lại (Gói số 11) Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, Cty SGM, VMED: 1,8 Tr; Cty Vinamedco: 1,8 Tr; Cty Hutectra: 1,7 Tr; Cty Đại Hữu: 1,8 Tr;	
42	Xe đẩy máy điện tim	Việt Nam	6	Cái	2	900,000	1,800,000	3,630,000	Số: 312/QĐ-BVT ngày 23 tháng 3 năm 2021 Tên gói thầu: Vật tư tiêu hao còn lại (Gói số 11) Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, Cty SGM, VMED: 900,000đ; Cty Vinamedco: 900,000đ; Cty Hutectra: 1 Tr; Cty Đại Hữu: 900,000đ;	
43	Xe đẩy 2 tầng 40 x 60	Việt Nam	6	Cái	2	800,000	1,600,000	1,545,000	Số 18/QĐ-BVĐK ngày 14 tháng 01 năm 2021 Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị và dụng cụ y tế cho Bệnh viện Đa khoa thành phố Ngã Bảy Cty SGM, VMED: 800,000đ; Cty Hutectra: 800,000đ; Cty Đại Hữu: 800,000đ;	
44	Xe đẩy Monitor	Việt Nam	6	Cái	2	800,000	1,600,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng	Cty SGM, VMED: 800,000đ; Cty Hutectra: 800,000đ; Cty Đại Hữu: 800,000đ;	
45	Máy tính Laptop	HP - Mỹ	Không là TBYT	Máy	1	13,000,000	13,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng	Cty CP ABC: 14,5 Tr; Cty YV, VMED: 15 Tr; Cty Lý Gia: 13,35 Tr; Cty Hutectra: 12,95Tr;	
46	Máy vi tính để bàn		không là TBYT	Bộ	4	13,000,000	52,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng	Cty KA, VMED: 13 Tr; Cty CP ABC: 13 Tr; Cty Lý Gia: 13,2 Tr; Cty GPV: 15 Tr; Cty Hutectra: 12,8 Tr;	15,000,000
47	Máy in	HP - Mỹ	Không là TBYT	Máy	4	3,800,000	15,200,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng	Cty KA, VMED: 4 Tr; Cty CP ABC: 4 Tr; Cty Lý Gia: 4,2 Tr; Cty GPV: 4Tr; Cty Hutectra: 3,8 Tr;	

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
48	Tủ đựng dụng cụ thiết bị	Việt Nam	6	Cái	2	6,500,000	13,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty SGM, VMED: 7,2 Tr; Cty Vinamedco: 7,2 Tr; Cty Hutectra: 6,5 Tr; Cty Đại Hữu: 7,2 Tr;	
49	Tủ thuốc inox	Việt Nam	6	Cái	3	6,200,000	18,600,000	8,000,000	Số 597/QĐ-TTYYT ngày 27 tháng 12 năm 2020 Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị y tế cho Trạm y tế Phường 6	Cty SGM, VMED: 7 Tr; Cty Vinamedco: 7 Tr; Cty Hutectra: 6,2 Tr; Cty Đại Hữu: 7 Tr;	
50	Tủ đựng hồ sơ	Việt Nam	6	Cái	4	4,400,000	17,600,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty SGM, VMED: 7,6 Tr; Cty Nam Phương: 4,4 Tr; Cty CP ABC: 6 Tr; Cty Hutectra: 4,9 Tr;	5,000,000
51	Bàn làm việc	Việt Nam	Không là TBYT	Cái	4	4,000,000	16,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty SGM, VMED: 5 Tr; Cty Nam Phương: 5 Tr; Cty CP ABC: 5 Tr; Cty Hutectra: 4 Tr;	5,000,000
52	Loa cầm tay	Ekars MC - 15	Không là TBYT	Cái	4	1,500,000	6,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 1,6 Tr; Cty Nam Phương: 1,6 Tr; Cty CP ABC: 1,5 Tr; Cty Hutectra: 1,6 Tr;	
53	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động	Access 2 Beckman Coulter - Mỹ	3	Máy	1	1,370,000,000	1,370,000,000	2,725,000,000	Số 1886/QĐ-HHTM	Cty KA, VMED: 1,5 tỷ; Cty GPV: 1,4 tỷ; Cty Hutectra: 1 tỷ 370;	
54	Máy xét nghiệm đông máu tự động	SF-8050 Succeder Trung Quốc	3	Máy	1	450,000,000	450,000,000	1,664,200,000	Số: 975/QĐ-SYT ngày 28/10/2020. Gói thầu số 4: cung cấp và lắp đặt trang thiết bị y tế cho chuẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm và kiểm nghiệm - SYT An	Cty KA, VMED: 785 Tr; Cty GPV: 785 Tr; Cty Hà Huy: 450 Tr; Cty Hutectra: 760 Tr;	

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
55	Máy đo đường huyết tại giường (Glucose meter) cho các khoa Lâm sàng	Medisafe Ex Terumo - Nhật Bản/ Đà Loan	3	Máy	7	1,500,000	10,500,000	1,800,000	Số: 383/QĐ-TTYYT ngày 01/12/2020. Tên gói thầu: Mua trang thiết bị, dụng cụ y tế năm 2020	Cty KA, VMED: 1,5 Tr; Cty GPV: 1,5 Tr; Cty Huteetra: 1,5 Tr;	
56	Máy ly tâm 12 - 48 ống mẫu, tốc độ 2000 - 5000/phút	Rotofix 32A Hettich - Đức	3	Máy	1	112,000,000	112,000,000	139,000,000	Số 71/QĐ-BVTMH ngày 27/01/2021	Cty KA, VMED: 120 Tr; Cty GPV: 120 Tr; Cty Vinamedco: 120 Tr; Cty Huteetra: 112 Tr;	
57	Pipette pha hóa chất, hút mẫu thể tích 5 - 50 µl	V14PIPO20T Accumax Ấn Độ	không là TBYT	Cái	1	2,250,000	2,250,000	2,250,000	5329/QĐ-BVCR	Cty KA, VMED: 3,78 Tr; Cty GPV: 3,78 Tr; Cty Vinamedco: 5,5 Tr; Cty Huteetra: 3,5 Tr;	
58	Pipette pha hóa chất, hút mẫu thể tích 50 - 200µl	Pipet4u Pro AHN - Đức	không là TBYT	Cái	1	3,500,000	3,500,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty KA, VMED: 3,78 Tr; Cty GPV: 3,78 Tr; Cty Vinamedco: 5,5 Tr; Cty Huteetra: 3,5 Tr;	
59	Pipette pha hóa chất, hút mẫu thể tích 100 - 1000µl	Pipet4u Pro AHN - Đức	không là TBYT	Cái	1	3,500,000	3,500,000	4,575,000	Số 18/QĐ-BVĐK ngày 14 tháng 01 năm 2021 Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị và dụng cụ y tế cho Bệnh viện Đa khoa thành phố Ngã Bảy	Cty KA, VMED: 3,78 Tr; Cty GPV: 3,78 Tr; Cty Vinamedco: 5,5 Tr; Cty Huteetra: 3,5 Tr;	
60	Tủ lạnh 2 ngăn: ngăn đông + ngăn mát trữ hóa chất, thuốc thử, mẫu bệnh phẩm	GN-M422PS LG - Indonesias	không là TBYT	Cái	1	11,000,000	11,000,000	14,000,000	Số 3393/QĐ-ĐHYHN ngày 27 tháng 8 năm 2020	Cty KA, VMED: 12 Tr; Cty GPV: 12 Tr; Cty CP ABC: 11 Tr; Cty Nam Phương: 15 Tr; Cty Huteetra: 11 Tr;	15,000,000
61	Tủ mát 2-8 độ có khóa (có hiển thị nhiệt độ 527)	VH-6009HP/ Sanaky/ Trung Quốc	Không là TBYT	Cái	1	25,000,000	25,000,000	38,500,000	Số: 197/QĐ-ATTP về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm dụng cụ, thiết bị, hóa chất, test nhanh phục vụ kiểm nghiệm nhanh thực	Cty YV: 31 Tr 250; Cty KA: 25 Tr; Cty GPV: 25 Tr; Cty Huteetra: 32 Tr; Cty Đại Hữu: 31 Tr 250;	



STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
62	Bình C02	Trung Quốc	Không là TBYT	Cái	10	1,790,000	17,900,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 2 Tr; Cty NG Tùng: 1,79 Tr; Cty Hutectra: 2 Tr; Cty Đại Hữu: 2 Tr;	
63	Monitoring 06 thông số	Cetus X15 Axcen - Đức	4	Máy	2	140,000,000	280,000,000	175,000,000	Số 203 /QĐ-BVN ngày 12 tháng 7 năm 2021	Cty YV, VMED: 205 Tr; Cty NG Tùng: 179,9 Tr; Cty TNT: 169 Tr 379; Cty Hutectra: 140 Tr; Cty Đại Hữu: 200 Tr;	
64	Troca 10mm có 02 nắp giảm.	30103 MP Karl Storz - Đức	3	Cái	8	15,000,000	120,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 26,83 Tr; Cty NG Tùng: 29,8 Tr; Cty Hutectra: 24 Tr; Cty Đại Hữu: 15 Tr;	
65	Troca 05mm có 02 nắp giảm.	30100 MP Karl Storz - Đức	3	Cái	8	13,500,000	108,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 23,6 Tr; Cty NG Tùng: 26,9 Tr; Cty Hutectra: 24 Tr; Cty Đại Hữu: 13,5 Tr;	
66	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tiêu hóa	Karl Storz - Mỹ/ Đức	3	Bộ	1	850,000,000	850,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty YV, VMED: 1 Tỷ 162; Cty NG Tùng: 1,0809 Tỷ; Cty TNT: 890 Tr 667; Cty Vinamed: 950 Tr; Cty Hutectra: 850 Tr; Cty Đại Hữu: 1 tỷ 085,800;	
67	Máy phẫu thuật nội soi tiêu hóa	RICHARD WOLF/ Đức	3	Máy	1	2,790,900,000	2,790,900,000	4,348,500,000	Số 19/QĐ-SYT của Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 23 tháng 10 năm 2020 Tên gói thầu: Gói thầu số 08 - Toàn bộ phần thiết bị dự án	Cty YV, VMED: 3 Tỷ 575; Cty NG Tùng: 2 Tỷ 790,900; Cty TNT: 3 Tỷ 26; Cty Hutectra: 2 tỷ 820; Cty Đại Hữu: 3 tỷ 575;	
68	Máy đốt điện phẫu thuật	Excell NHP/ T-400 ALSA - Ý	3	Máy	1	298,000,000	298,000,000	398,000,000	575/QĐ-YHCTTW	Cty YV, VMED: 400 Tr; Cty NG Tùng: 430 Tr 900; Cty TNT: 306 Tr 667; Cty Hutectra: 298 Tr; Cty Đại Hữu: 400 Tr;	

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
69	Bàn mổ	Anteris 30 Brandon Medical - Anh/ Đức	3	Cái	1	680,030,000	680,000,000	970,900,000	Số: 257/QĐ-BVDL ngày 06 tháng 04 năm 2021 zcz	Cty YV, VMED: 900 Tr; Cty NG Tùng: 970,9 Tr; Cty TNT: 706 Tr 667; Cty Vinamed: 890 Tr; Cty Hutectra: 680 Tr; Cty Đại Hữu: 900 Tr;	
70	Đèn mổ 6 bóng	Quasar e LITE Qe6030 Brandon Medical - Anh/ Đức	3	Cái	1	710,030,000	710,000,000	850,000,000	Số: 1472/QĐ-SYT ngày 26 tháng 12 năm 2020 Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị y tế phẫu thuật, cấp cứu hồi sức và chẩn đoán, điều trị chuyên khoa	Cty YV, VMED: 1,5 tỷ; Cty Vinamed: 1 tỷ 490; Cty NG Tùng: 730,9 Tr; Cty Hutectra: 710 Tr; Cty Đại Hữu: 1 tỷ 430;	
71	Dụng cụ mổ bắt con	NOPA instruments Medizintechnik GmbH - Đức/ Pakistan/ Thổ Nhĩ Kỳ	4	Bộ	2	70,000,030	140,000,000	84,948,920	Số 4267/QĐ-BVBD-KD&ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2020. Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Cung cấp bộ dụng cụ phẫu thuật lấy thai	Cty YV, VMED: 100 Tr; Cty NG Tùng: 118,9 Tr; Cty Hutectra: 95 Tr; Cty Đại Hữu: 70 Tr;	
72	Tủ tiệt trùng thiết bị y tế bằng tia UV và Plasma Ion	SKHP-5501NM/ Anhalytik/Jena - Đức	6	Cái	1	220,000,030	220,000,000	305,000,000	Số 202 /QĐ-BVN ngày 12 tháng 7 năm 2021	Cty Hutectra: 220 Tr;	
II	Danh mục trang thiết bị y tế đề nghị bổ sung						6,023,454,000				
1	Máy chiết tách tự động (96 giếng)	magLEAD® 12gC Precision System Science (PSS) Nhật Bản		Máy	1	947,000,000	947,000,000	947,030,000	Quyết định số 44/QĐ-KSBT ngày 11/3/2021	Cty Hutectra: 1 tỷ 3; Cty GPV: 1 tỷ 472;	
2	Máy ly tâm plate	PlateFuge Benchmark - Mỹ		Máy	1	29,000,000	29,000,000	48,000,000	Số: 6506 /QĐ-ĐHYHN ngày 30 tháng 12 năm 2020	Cty Hutectra: 29 Tr; Cty GPV: 168 Tr 300 ;	
3	Tủ PCR cabinet (tủ thao tác)	UVC/T - AR/ Biosan - Latvia		Cái	2	108,000,000	216,000,000	108,000,000	Số: 6506 /QĐ-ĐHYHN ngày 30 tháng 12 năm 2020	Cty NG Tùng: 279 Tr 900; Cty Hutectra: 610 Tr; Cty GPV: 188 Tr 940;	

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế	Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND	
4	Máy ly tâm (14000 rpm, lạnh)	MIKO 200R Hettich - Đức		Máy	2	235,000,000	470,000,000	398,000,000	Số 3393/QĐ-ĐHYHN ngày 27 tháng 8 năm 2020	Cty Vinamedco: 235 Tr; Cty Huteetra: 242 Tr; Cty GPV: 250 Tr;	
5	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Azbil Telstar Technologies S.L.U - Tây Ban Nha/ Trung Quốc		Cái	2	220,000,000	440,000,000	257,500,000	Quyết định số 44 /QĐ-KSBT ngày 11/3/2021 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh gói thầu:	Cty Huteetra: 220 Tr; Cty GPV: 270 Tr;	
6	Máy trộn	Maxshake VM30/ Daihan/ Hàn Quốc		Máy	4	9,400,000	37,600,000	21,000,000	Quyết định 468/QĐ-SYT ngày 07/5/2021 của Sở Y tế An Giang	Cty Huteetra: 20 Tr; Cty GPV: 9,4 Tr;	
7	Tủ đông sâu -80 độ C	UUS-597A-1-5D- SS/Esco - Singapore/ Indonesia		Cái	1	318,000,000	318,000,000	556,500,000	Quyết định 468/QĐ-SYT ngày 07/5/2021 của Sở Y tế An Giang	Cty Huteetra: 360 Tr; Cty GPV: 318 Tr;	
8	Tủ -20 độ C	MDF - 25V278W Anhui Zhongke - Trung Quốc		Cái	2	150,000,000	300,000,000	244,890,000	Số 2767 /QĐ-BM ngày 23 tháng 10 năm 2020 Tên gói thầu: Gói thầu TBDA 03-2020 Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế tòa nhà Trung tâm ung	Cty Huteetra: 150 Tr; Cty GPV: 156 Tr;	
9	Máy ly tâm ngắn (minispin)	myFuge Benchmark - USA		Máy	2	5,000,000	10,000,000	5,000,000	Số 157/QĐ-KSBT ngày 04 tháng 06 năm 2021 Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị phụ trợ thực hiện xét nghiệm Realtime-PCR. Hình thức lựa chọn nhà	Cty Huteetra: 14 Tr; Cty GPV: 36 Tr;	
10	Pipet 10 µl (0.5 - 10)	Pipet4u Pro AHN - Đức		Cái	5	5,000,000	25,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Vinamedco: 5 Tr; Cty Huteetra: 5 Tr; Cty GPV: 5 Tr;	

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
11	Pipet 20 µl (10 - 100)	Pipet4u Pro AHN - Đức		Cái	3	5,000,000	15,000,000	6,650,000	586/QĐ-VKNQG	Cty Vinamedco: 5,5 Tr; Cty Hutectra: 5 Tr; Cty GPV: 5 Tr;	
12	Pipet 200 µl (20 - 200)	Pipet4u Pro AHN - Đức		Cái	5	5,000,000	25,000,000	5,750,000	Số: 184/QĐ-KSBT ngày 22 tháng 7 năm 2021 Tên gói thầu: Mua sắm sinh phẩm, vật tư để triển khai thực hiện xét nghiệm COVID-19 (đợt 2) năm	Cty Vinamedco: 5,5 Tr; Cty Hutectra: 5 Tr; Cty GPV: 5 Tr;	
13	Pipet 1000 µl	Pipet4u Pro AHN - Đức		Cái	5	5,000,000	25,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Vinamedco: 5,5 Tr; Cty Hutectra: 5 Tr; Cty GPV: 5 Tr;	
14	Giá giữ lạnh cho ống 1,5/2,0ml	Eppendorf - Đức		Cái	5	2,500,000	12,500,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 2 Tr; Cty GPV: 6,5 Tr;	
15	Giá giữ lạnh cho ống 0,2ml	Eppendorf - Đức		Cái	5	2,500,000	12,500,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 2 Tr; Cty GPV: 6,5 Tr;	
16	Pipet đa kênh 10 µl (8 kênh)	Pipet4u Pro AHN - Đức		Cái	1	15,000,000	15,000,000	16,000,000	Quyết định 468/QĐ-SYT ngày 07/5/2021 của Sở Y tế An Giang	Cty Vinamedco: 15 Tr; Cty GPV: 15 Tr;	
17	Pipet đa kênh 20 µl (8 kênh)	Pipet4u Pro AHN - Đức		Cái	1	15,000,000	15,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Vinamedco: 15 Tr; Cty GPV: 15 Tr;	

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
18	Pipet đa kênh 300 µl (8 kênh)	Pipet4u Pro AHN - Đức		Cái	1	15,000,000	15,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Vinamedco: 15 Tr; Cty GPV: 15 Tr;	
19	Tủ mát 2-8 độ	Alaska - Việt Nam		Cái	2	9,500,000	19,000,000	11,500,000	Quyết định 468/QĐ-SYT ngày 07/5/2021 của Sở Y tế An Giang	Cty GPV: 12,5 Tr; Cty hutectra: 9,5 Tr;	
20	Máy xét nghiệm huyết học 23 thông số (5 thành phần BC), hóa chất mở	YUMIZEN H500OT/HORIBA ABXSAS/ Pháp		Máy	1	510,000,000	510,000,000	710,000,000	685/QĐ-SYT ngày 14/5/2021	Cty NG Tùng: 797 Tr; Cty Hutectra: 1 tỷ 490; Cty GPV: 510 Tr;	
21	Máy phân tích sinh hóa tự động 480 test/giờ/hóa chất mở	SAT 450 AMS Alliance - Ý		Máy	1	1,300,000,000	1,300,000,000	2,342,600,000	Số: 291/QĐ-BYT ngày 23 tháng 12 năm 2020 Tên gói thầu: Gói 01: Mua sắm trang thiết bị y tế	Cty Hutectra: 1 tỷ 3 ; Cty GPV: 2 tỷ 660;	
22	Máy điện giải đồ (Na/K/Cl/Ca, Hóa chất mở)	EasyLyteExpand Medica Corporation Mỹ		Máy	1	133,850,000	133,850,000	133,850,000	Số: 47/QĐ-DDTTVT ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Điều dưỡng Phục hồi chức năng tâm thần Việt Trì. Tên gói thầu: Mua máy móc thiết	Cty Hutectra: 140 Tr; Cty GPV: 150 Tr;	
23	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Combostik R700 DFI - Hàn Quốc		Máy	1	45,000,000	45,000,000	52,800,000	Số 181/QĐ-BVTT ngày 14/4/2021	Cty KA, VMED: 45 Tr; Cty GPV: 45 Tr; Cty Hà Huy: 45 Tr; Cty Hutectra: 68 Tr;	60,000,000
24	Pipette 500-1000µl	CV 1000/ Cleaver Scientific - Anh/ Ba Lan	không là TBYT	Cái	1	5,000,000	5,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 5,5 Tr; Cty GPV: 5 Tr;	

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
25	Pipette 200µl	CV 1000/ Cleaver Scientific - Anh/ Ba Lan	không là TBYT	Cái	1	5,000,000	5,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 5,5 Tr; Cty GPV: 5 Tr;	
26	Bộ đại phẫu	Đức		Bộ	1	185,000,000	185,000,000	448,000,000	Số 19/QĐ-SYT của Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 23/10/2020 Tên gói thầu: Gói thầu số 08 - Toàn bộ phần thiết bị dự án	Cty Hutectra: 185 Tr;	
27	Máy rửa dụng cụ y tế đa kết hợp (kết hợp siêu âm - phun xoáy dòng áp lực - khử khuẩn bậc cao)	AMSC-156. HMEC./ PETECH - Việt Nam		Máy	1	450,000,000	450,000,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 450 Tr;	
28	Bộ đồ sanh	Việt Nam + Pakistan		Bộ	4	596,000	2,384,000	596,000	Số 18/QĐ-BVĐK ngày 14 tháng 01 năm 2021 Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị và dụng cụ y tế cho Bệnh viện Đa khoa thành phố Ngã Bảy	Cty Hutectra: 1,5 Tr;	
29	Đèn gù	Việt Nam		Cái	2	1,260,000	2,520,000	1,260,000	Số: 312/QĐ-BVT ngày 23 tháng 3 năm 2021 Tên gói thầu: Vật tư tiêu hao còn lại (Gói số 11) Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước,	Cty Hutectra: 1.3 Tr;	
30	Bộ dụng cụ kiểm tra cổ tử cung	Pakistan		Bộ	2	1,100,000	2,200,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 1,1 Tr;	
31	Máy bơm tiêm điện	Beton Dickinson - Rumani	3	Cái	1	27,000,000	108,000,000	35500000	Số: 257/QĐ-BVDL ngày 06 tháng 04 năm 2021 xxx	Cty YV, VMED: 35,7 Tr; Cty NG Tùng: 36,9 Tr; Cty TNT: 36 Tr; Cty Hà Huy: 33 Tr; Cty Vinamedco: 27 Tr; Cty Hutectra: 32 Tr; Cty Đại Hữu: 37 Tr;	37,000,000

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế		Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND
32	Máy Monitor sản khoa	FM10 Mediblu/ Mỹ		Máy	2	99,000,000	198,000,000	109,875,000	Thiết bị, dụng cụ cần thiết cho phòng xét nghiệm	Cty TNT: 136 Tr 725; Cty Hutectra: 99 Tr;	
33	Doppler nghe tim thai	BT-200C Bistos/ Hàn Quốc		Cái	2	7,000,000	14,000,000	7,000,000	Số: 976/QĐ-SYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020. Gói thầu số 5: cung cấp và lắp đặt trang thiết bị y tế cho hồi sức, cấp cứu, mổ, điều trị và chống nhiễm khuẩn - SYT AG	Cty Hutectra: 23 Tr;	
34	Máy siêu âm xách tay	Eco 1 CHISON Medical Technologies., Ltd., China		Máy	1	85,000,000	85,000,000	85,000,000	Số: 362 /QĐ-KSBT ngày 16 tháng 11 năm 2020 Tên gói thầu: Mua máy siêu âm xách tay cho phòng khám đa khoa năm 2020	Cty Hutectra: 290 Tr;	
35	Ambu bóng sơ sinh	Ningbo Greetmed medical Instruments Co.,Ltd- Trung Quốc		Bộ	2	230,000	460,000	230,000	Số: 495/QĐ-TTYYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 Tên gói thầu: Mua sắm Vật tư y tế tiêu hao phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2020 của Trung tâm Y tế	Cty Hutectra: 240 Tr;	
36	Mặt nạ sơ sinh số 0	Đài Loan		Cái	2	50,000	100,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 50,000đ;	
37	Mặt nạ sơ sinh số 1	Đài Loan		Cái	2	50,000	100,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 50,000đ;	
38	Mặt nạ sơ sinh số 2	Đài Loan		Cái	2	50,000	100,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 50,000đ;	

STT	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại/ Hãng SX	Phân nhóm (TT 14)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm VAT)	Thành tiền (Bao gồm VAT)	Giá tham khảo			
								Giá công khai kết quả đấu thầu của Bộ Y tế	Các đơn vị báo giá	76/KH-UBND	
39	Bộ đặt nội khí quản sơ sinh	Pakistan		Bộ	1	5,300,000	5,300,000	5,650,000	Số: 4844/QĐ-BVT ngày 16 tháng 12 năm 2020 Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 Hình thức lựa chọn nhà thầu:	Cty Hutectra: 5,3 Tr;	
40	Máy hút đàm nhớt sơ sinh	Constant 1400 Shin-Ei (Sanko) Nhật Bản		Máy	1	17,800,000	17,800,000	17,800,000	Số 868 /QĐ-SYT ngày 21 tháng 07 năm 2021 Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm trang thiết bị ,vật tư cho Bệnh viện dã chiến số 1	Cty Vinamedco: 20 Tr; Cty Hutectra: 23 Tr;	
41	Túi dự trữ oxy sơ sinh	Winnomed - Đài Loan		Cái	1	140,000	140,000	477,750	Số:909/QĐ-BVNĐ1 ngày 30 tháng 03 năm 2021 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư tiêu hao, hoá chất năm 2020 của Bệnh viện Nhi Đồng 1	Cty Hutectra: 140,000đ;	
42	Bàn khám phụ khoa + bọc khám	Việt Nam		Cái	1	1,900,000	1,900,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 1,9 Tr;	
43	Bàn làm rón và hồi sức sơ sinh	Việt Nam		Cái	2	1,700,000	3,400,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 1,7 Tr;	
44	Xe đẩy Monitoring 2 tầng	Việt Nam		Cái	2	800,000	1,600,000	chưa có giá trúng thầu mới trong vòng 12 tháng		Cty Hutectra: 800,000đ;	
	Tổng cộng						24,629,572,000				





DANH MỤC NHU CẦU TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THIẾT YẾU

Khu vực 3 theo QĐ 2626/QĐ-BYT 01/2021 của Bộ Y tế, đơn vị 100 giường bệnh trong Khoa Hồi sức tích cực, điều trị 100 người bệnh COVID-19 nặng, nguy kịch.

(Kèm theo Kế hoạch số 2844/KH-SYT ngày 24/8/2021 của Sở Y tế)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá VNĐ	Thành Tiền VNĐ
1	Bộ dụng cụ thở oxy (bình làm ẩm, đồng hồ đo lưu lượng...): 100 ổ thở oxy, khí nén, có thể mua loại chia đôi, cần 01 ổ chia hai: 50 ổ oxy, khí nén.	Bộ	100	51.000.000	5.100.000.000
2	Máy thở chức năng cao	Cái	40	933.442.000	37.337.680.000
3	Máy thở không xâm nhập, hoặc Máy thở xâm nhập và không xâm nhập. Cân nhắc có thể lựa chọn thay thế HFNO nếu điều kiện của cơ sở triển khai được.	Cái	25	814.642.000	20.366.050.000
4	Hệ thống oxy dòng cao HFNO, có thể chọn máy thở không xâm nhập nếu ô xy khí nén không phù hợp, cũng như RAM thở hiếm trên thị trường	Cái	15	200.000.000	3.000.000.000
5	Máy thở xách tay kèm van PEEP, 2 bộ dây	Cái	5	338.000.000	1.690.000.000
6	Máy lọc máu liên tục (cho đơn vị đã có đủ năng lực thực hiện)	Cái	15	1.415.000.000	21.225.000.000
7	Hệ thống ECMO (cho đơn vị đã có đủ năng lực kỹ thuật thực hiện, dùng chung cho 01 bệnh viện)	HT	5	3.200.000.000	16.000.000.000
8	Máy X quang di động	Cái	3	3.630.000.000	10.890.000.000
9	Máy siêu âm Doppler màu ≥ 3 đầu dò	Cái	3	2.260.000.000	6.780.000.000
10	Máy đo khí máu (đo được điện giải đồ, lactat, hematocrite)	Cái	5	790.000.000	3.950.000.000
11	Máy theo dõi BN ≥ 5 thông số	Cái	100	276.150.000	27.615.000.000
12	Hệ thống Oxy + Hệ thống hút + Hệ thống khí nén	HT	1	8.050.000.000	8.050.000.000
13	Bơm tiêm điện	Cái	320	32.900.000	10.528.000.000
14	Máy truyền dịch	Cái	140	37.150.000	5.201.000.000
15	Máy hút đờm	Cái	100	29.840.000	2.984.000.000
16	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	Cái	10	10.000.000	100.000.000
17	Bình hút dẫn lưu màng phổi kín di động	Cái	20	160.000	3.200.000
18	Bộ đèn đặt nội khí quản thường	Bộ	10	10.782.000	107.820.000
19	Bộ đèn đặt nội khí quản có camera (bao gồm 04 cỡ lưới)	Bộ	5	75.000.000	375.000.000
20	Bộ khí dung kết nối máy thở	Bộ	40	35.000.000	1.400.000.000

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá VNĐ	Thành Tiền VNĐ
21	Máy khí dung thường	Cái	5	1.500.000	7.500.000
22	Máy phá rung tim có tạo nhịp	Cái	5	350.000.000	1.750.000.000
23	Máy điện tim ≥ 6 kênh	Cái	5	74.025.000	370.125.000
24	Bộ mở khí quản	Bộ	5	2.000.000	10.000.000
25	Đèn thủ thuật	Cái	10	148.900.000	1.489.000.000
26	Bóng ambu có van PEEP	Cái	10	500.000	5.000.000
27	Bóng Ambu (quả)	Cái	100	300.000	30.000.000
28	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Bộ	10	3.000.000	30.000.000
29	Máy lọc nước RO mini	Bộ	5	150.000.000	750.000.000
Tổng Cộng					187.144.375.000
<i>Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng</i>					

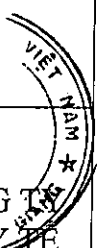
Phụ lục 5

**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ ĐÃ MUA SẴM CẤP BÁCH
CHO CÁC KHU ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19**

(Kèm theo Kế hoạch số 2844-/KH-SYT ngày 24/8/2021 của Sở Y tế)

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền	Đơn vị cung cấp
I	Khu điều trị bệnh nhân Covid-19 thuộc Bệnh viện Lao và bệnh Phổi				3.281.236.163	
A	<i>Xây dựng, Sửa chữa</i>				1.205.736.163	
1	Xây dựng nhà tiền chế dành cho nhân viên y tế và cán bộ trực chốt làm nhiệm vụ tại khoảng sân giữa 02 khoa điều trị bệnh; Diện tích $44 \times 7 + 14 \times 5 = 378$ m ² , làm hàng rào, vách ngăn phòng đệm. Lắp Camera,... Các chi phí khác	1	Hạng mục	1.205.736.163	1.205.736.163	Bệnh viện Y tế Tự thuộc nhân công thực hiện
B	<i>Mua tài sản trang thiết bị</i>		Đồng		2.075.500.000	
2	Giường BN sơn tĩnh điện	200	Cái	7.500.000	1.500.000.000	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN HỒNG VN
3	Giường bệnh cấp cứu	10	Cái	15.750.000	157.500.000	
4	quần áo NVYT (loại vải xanh ngắn tay như đồ phẫu thuật viên)	100	Cái	300.000	30.000.000	Các cơ sở cung cấp trong tỉnh do Bệnh viện Tự Mua sắm
5	Ghế nhựa	200	Cái	45.000	9.000.000	
6	Máy vi tính	8	Cái	14.000.000	112.000.000	
7	Máy in	4	Cái	5.000.000	20.000.000	

8	Tủ lưu trữ đồ vải sạch (loại lớn)	3	Cái	4.500.000	13.500.000	
9	Máy photocopy	1	Cái	100.000.000	100.000.000	
10	Máy scan	1	Cái	11.000.000	11.000.000	
11	Thùng loa	4	Cái	5.000.000	20.000.000	
12	Bình nước nóng lạnh	5	Cái	4.500.000	22.500.000	
13	Tivi màn hình lớn 40-50inh	4	Cái	20.000.000	80.000.000	
II	Khu điều trị bệnh nhân Covid-19 công suất 1000 giường thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh (Cơ sở cũ 46 Lê Lợi)		Đồng		15.968.000.000	
1	Máy X quang di động kỹ thuật số Model hệ thống: FDR NANO (DR-XD 1000) Hãng SX: Fujifilm Corporation	1	Cái	3.650.000.000	3.650.000.000	CÔNG TY TTBY TẾ Y VIỆT – TP.HCM
2	Máy X quang di động kỹ thuật số Model: ULTRA-30HF Hãng SX: Hàn Quốc	1	Cái	1.590.000.000	1.590.000.000	
3	Máy siêu âm 3 đầu dò Model: 3300 Nước sản xuất: Trung Quốc	1	Cái	1.350.000.000	1.350.000.000	
4	Máy siêu âm 3 đầu dò Model: Affiniti 30 Hãng/Nước sản xuất: Philips/Mỹ	2	Cái	1.680.000.000	1.680.000.000	
5	Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số (IBP+ETCO2) Model: Vista 120S Hãng/Nước sản xuất: Edan/Trung Quốc	2	Cái	168.000.000	336.000.000	

6	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số (IBP+ETCO2)(IBP) Model: Vista 120S Hãng/Nước sản xuất: Edan/Trung Quốc	10	Cái	139.000.000	1.390.000.000	
7	Máy đo độ bão hoà ô xy trong máu SPO2 Model: Pulse Hãng/Nước sản xuất: Andromeda/Mỹ	40	Cái	17.500.000	700.000.000	
8	Máy điện tim 03 cần Model : MAC 600 Hãng, nước sản xuất: Wipro GE Healthcare Private Ltd, Ấn Độ	2	Cái	48.500.000	97.000.000	
9	Giường BN INOX	900	Cái	4.000.000	3.600.000.000	 CÔNG TY TTBY TẾ NAM HOÀNG – HN VÀ CÔNG TY KHKT VN – TP. HCM
10	Giường bệnh nhân cấp cứu, hồi sức	100		15.750.000	1.575.000.000	
III	Khu điều trị Covid-19 thuộc TTYT Vĩnh Thuận, Giồng Riềng và Hà Tiên (300 giường / mỗi TTYT)		Đồng		3.600.000.000	
1	Giường BN INOX	900	Cái	4.000.000	3.600.000.000	
	TỔNG CỘNG				22.849.236.163	

Phụ lục 6.1

**DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ
MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ, HOÁ CHẤT PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID -19**

(Từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2022)

(Kèm theo Kế hoạch số 2844 /KH-SYT ngày 24/8/2021 của Sở Y tế)

STT	Tên VTYT, VTTH	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Trang phục chống dịch cấp độ 2	Bộ	282.760	65.000	18.379.400.000
2	Trang phục chống dịch cấp độ 4	Bộ	208.574	223.330	46.580.831.420
3	Khẩu trang N95	Cái	176.934	33.000	5.838.822.000
4	Khẩu trang N96	Cái	22.000	33.000	726.000.000
5	Khẩu trang y tế	Cái	1.397.980	1.000	1.397.980.000
6	Găng tay	Đôi	474.130	3.570	1.692.644.100
7	Găng tay vô khuẩn	Đôi	31.320	6.700	209.844.000
8	Găng tay vô trùng	Đôi	81.720	3.400	277.848.000
9	Găng tay dài	Đôi	3.964	14.000	55.496.000
10	Găng tay rửa bằng cao su, dùng nhiều lần	Đôi	4.684	15.000	70.260.000
11	Kính chắn giọt bắn	Cái	22.036	15.000	330.540.000
12	Bao giấy phòng mổ, dùng 1 lần	Đôi	11.540	2.000	23.080.000
13	Gel sát khuẩn tay nhanh	100ml/Chai	63.430	16.500	1.046.595.000
14	Gel sát khuẩn tay nhanh	500ml/Chai	58.005	39.600	2.296.998.000
15	Dung dịch vệ sinh tay chứa cồn	Chai	18.303	70.000	1.281.210.000
16	Cồn 70 - 90 độ	Lít	11.560	55.000	635.800.000

STT	Tên VTYT, VTTH	Đơn vị tính	Tổng số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
17	Dung dịch súc miệng	Chai	36.890	49.500	1.826.055.000
18	Chlorhexidine 0,12% súc miệng	Chai	19.628	105.000	2.060.940.000
19	Nước rửa tay	Chai	39.042	55.200	2.155.118.400
20	Xà bông cục	Cục	1.000	13.000	13.000.000
21	Chloramin B 25%	Kg	14.138	350.000	4.948.300.000
22	Gel giữ lạnh	Túi	2.200	7.000	15.400.000
23	Môi trường lấy mẫu	Ống	202.000		0
24	Môi trường vận chuyển bệnh phẩm SARS-CoV-2	Lọ 3ml	250.000	45.000	11.250.000.000
25	Môi trường vận chuyển bệnh phẩm SARS-CoV-3	Lọ 5ml	10.000	70.000	700.000.000
26	Hộp đựng mẫu bệnh phẩm	Hộp	102.820	500.000	51.410.000.000
27	Tupe đựng môi trường vận chuyển bệnh phẩm	Cái	62.200	1.000	62.200.000
28	Tăm bông ngoáy họng	Cây	320.000	6.000	1.920.000.000
29	Tăm bông ngoáy tuy hầu	Cây	334.400	18.500	6.186.400.000
30	Túi rác thải nguy hại 30 lít	Kg	3.120	65.000	202.800.000
31	Túi đựng tử thi	Chiếc	377	150.000	56.550.000
Tổng cộng					163.650.111.920

Phụ lục 6.2
DỰ TRÙ SINH PHẨM. HOÁ CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ CHO MÁY ROCHE

Sinh phẩm, hóa chất và vật tư y tế xét nghiệm SARS-CoV-2 sử dụng đến 06/2022 (Dự kiến 166.000test)
(Kèm theo Kế hoạch số 2844 /KH-SYT ngày 24/8/2021 của Sở Y tế)

Stt	Tên sinh phẩm/hóa chất	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1. Sinh phẩm, hoá chất theo máy Roche						59.091.884.500
1	MagNA Pure 96 DNA and Viral NA SV Kit	Hộp/576 test	Hộp	43.050.000	366	15.756.300.000
2	MagNA Pure 96 Processing Cartridge	Hộp/ 36 cái	Hộp	4.290.000	100	429.000.000
3	MagNA Pure 96 Filter Tips (1000 ul)	Hộp/3840 tips	Hộp	26.510.000	117	3.101.670.000
4	MagNA Pure 96 System Fluid (External)	Hộp/1thùng	Hộp	5.500.000	283	1.556.500.000
5	MagNA Pure 96 Sealing Foil	Hộp/100 cái	Hộp	5.720.000	34	194.480.000
6	MagNA Pure 96 Output Plate	Hộp/60 cái	Hộp	4.950.000	34	168.300.000
7	MagNA Pure 96 External Lysis Buffer	Hộp/100ml	Hộp	1.938.300	615	1.192.054.500
8	LC Multiplex RNA Virus Master, 200	200 rxn/hộp	Hộp	9.955.000	996	9.915.180.000
9	LightCycler 480 Multiwell Plate 96	50 plates/hộp	Hộp	6.600.000	67	442.200.000
10	LightMix® SarbecoV E-gene plus EAV control	96 rxn/hộp	Hộp	12.100.000	2.158	26.111.800.000
11	LightMix Modular Wuhan CoV RdRP-gene	96 rxn/hộp	Hộp	6.600.000	34	224.400.000
2. Vật tư y tế						13.683.160.000
13	MP96 Needle set of 4 IVD	4cái/hộp	hộp	11.000.000	42	462.000.000
14	10ul fiter tip	960cái/hộp	Hộp	2.000.000	249	498.000.000
15	200ul fiter tip	960cái/hộp	Hộp	2.000.000	249	498.000.000
16	1000ul fiter tip	768cái/hộp	Hộp	2.050.000	498	1.020.900.000
17	Ống Corning 15ml	500 cái /Hộp	Hộp	3.000.000	366	1.098.000.000
18	Tube eppendorff 1.5 ml có nắp đính kèm	500 cái/gói	Gói	320.000	366	117.120.000

Stt	Tên sinh phẩm/hóa chất	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
19	Que lấy mẫu ty hầu FLOQSwabs	1000cái/thùng	Thùng	18.500.000	175	3.237.500.000
20	Que lấy mẫu ngoáy họng	100cái/gói	Gói	600.000	175	105.000.000
21	Môi trường vận chuyển vi rút	72 Ống/Hộp	Hộp	2.520.000	2407	6.065.640.000
22	Găng tay không bột	50cái/hộp	Hộp	350.000	1660	581.000.000
Tổng cộng						72.775.044.500

Bằng chữ: Bảy mươi hai tỷ, bảy trăm bảy mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn, năm trăm đồng

phụ lục 6.3

DỰ TRÙ SINH PHẨM, VẬT TƯ, HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM CHO MÁY QIAGEN

Sinh phẩm, hóa chất và vật tư y tế xét nghiệm SARS-CoV-2 (Dự kiến 50.000test)

(Kèm theo Kế hoạch số 2844/KH-SYT ngày 24/8/2021 của Sở Y tế)

Stt	Tên hàng	Đóng gói	ĐVT	Đơn Giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1. Sinh phẩm, hoá chất theo máy QIAGEN						25.720.719.200
1	SuperScript™ III Platinum™ One-Step qRT-PCR Kit	500 reactions/Hộp	Hộp	71.000.000	112	7.952.000.000
2	QIAamp Viral RNA Mini Kit	250 phản ứng/hộp	Hộp	34.000.000	100	3.400.000.000
3	DNAZap™ PCR DNA Degradation Solutions	2x250ml/	Bộ	4.109.000	200	821.800.000
4	RNase AWAY™ Decontamination Reagent	250ml	Chai	2.844.000	200	568.800.000
5	RNaseZap™ RNase Decontamination Solution	250ml	Chai	3.107.000	200	621.400.000
6	QIAamp Viral RNA Mini QIAcube Kit	240 phản ứng/hộp	Hộp	37.700.000	118	4.448.600.000
7	Filter tip cho máy Qiacube connect 1000ul	1024 cái/hộp	Hộp	3.020.000	531	1.603.620.000
8	Bộ 04 Primer cho SARS-CoV-2	200 nmol/ ống	Bộ	2.400.000	125	300.000.000
9	Bộ 03 Probe cho SARS-CoV-2	200 nmol/ ống	Bộ	30.600.000	125	3.825.000.000
10	DMEM (Dulbecco's Modified Eagle's Medium - high glucose)	6x500ml/Hộp	Hộp	9.849.000	200	1.969.800.000
11	Bovine Serum Albumin (BSA) solution	100ml	chai	3.018.400	38	114.699.200
12	Antibiotic Antimycotic Solution (100×), Stabilized	20ml/ống	Ống	950.000	100	95.000.000
2. Vật tư y tế						10.803.800.000
1	Ống đựng mẫu nắp vặn 2mL	1000cái/hộp	Hộp	2.750.000	102	280.500.000
2	PCR Tubes, 0,2ml - 981005	1000chiếc/ hộp	Hộp	5.500.000	102	561.000.000
3	10ul fiter tip	960cái/hộp	Hộp	2.000.000	505	1.010.000.000
4	20ul fiter tip	960cái/hộp	Hộp	2.000.000	680	1.360.000.000
5	100ul fiter tip	960cái/hộp	Hộp	2.000.000	685	1.370.000.000
6	200ul fiter tip	960cái/hộp	Hộp	2.000.000	530	1.060.000.000



Stt	Tên hàng	Đóng gói	ĐVT	Đơn Giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
7	1000ul fiter tip	768cái/hộp	Hộp	2.600.000	725	1.885.000.000
8	Ống Corning 15ml	500 cái /Hộp	Hộp	3.000.000	141	423.000.000
9	Hộp lưu mẫu 81 vị trí	10 cái/thùng	Thùng	4.900.000	104	509.600.000
10	Tube eppendorff 1.5 ml có nắp đính kèm	500 cái/gói	Gói	320.000	210	67.200.000
11	Que lấy mẫu người lớn FLOQSwabs	1000cái/thùng	Thùng	18.500.000	90	1.665.000.000
12	Găng tay không bột	50cái/hộp	Hộp	350.000	1750	612.500.000
Tổng cộng						36.524.519.200

Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, năm trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm mười chín ngàn, hai trăm đồng